

BAN TUYÊN GIÁO TỈNH ỦY - SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO



TÀI LIỆU HỘI NGHỊ

**Bồi dưỡng chính trị, cập nhật kiến thức
đối với ngành Giáo dục năm 2024**

Đồng Tháp, ngày 20 tháng 8 năm 2024

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
Chương trình Hội nghị bồi dưỡng chính trị, cập nhật kiến thức đối với ngành Giáo dục năm 2024.	2
<i>Chuyên đề 1:</i> Phòng, chống bạo lực học đường và tâm lý tiêu cực trong học sinh.	3
<i>Chuyên đề 2:</i> Thực hiện quy tắc ứng xử, quy chế dân chủ trong nhà trường và quy định về đạo đức nhà giáo.	15
<i>Chuyên đề 3:</i> Thực trạng về công tác triển khai thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Định hướng phát triển Giáo dục tỉnh Đồng Tháp đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.	25
Nội dung gợi ý thảo luận.	41

CHƯƠNG TRÌNH
Lớp bồi dưỡng chính trị, cập nhật kiến thức
đối với ngành Giáo dục năm 2024
(ngày 20 tháng 8 năm 2023)

I. BUỔI SÁNG: Từ 7 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút.

1. Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu (*Sở Giáo dục và Đào tạo*)

2. Phát biểu khai mạc (*Lãnh đạo Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ*)

3. Báo cáo chuyên đề:

- Chuyên đề 1: Phòng, chống bạo lực học đường và tâm lý tiêu cực trong học sinh (*Công an Tỉnh*)

- Chuyên đề 2: Thực hiện quy tắc ứng xử, quy chế dân chủ trong nhà trường và quy định về đạo đức nhà giáo (*Lãnh đạo Sở Giáo dục và Đào tạo*)

II. BUỔI CHIỀU: Từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ.

1. Báo cáo chuyên đề 3: Thực trạng về công tác triển khai thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Định hướng phát triển Giáo dục tỉnh Đồng Tháp đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (*Lãnh đạo Sở Giáo dục và Đào tạo*)

2. Gợi ý thảo luận (*Chủ trì điểm cầu của Tỉnh và tại các điểm cầu*)

3. Đáp từ - bế mạc (*Sở Giáo dục và Đào tạo*)

4. Các đại biểu thảo luận (từ 14 giờ 45 phút đến 17 giờ)

CHUYÊN ĐỀ 1

PHÒNG, CHỐNG BẠO LỰC HỌC ĐƯỜNG VÀ TÂM LÝ TIÊU CỰC TRONG HỌC SINH

PHẦN 1. PHÒNG, CHỐNG BẠO LỰC HỌC ĐƯỜNG

I. NHẬN THỨC CHUNG VỀ BẠO LỰC HỌC ĐƯỜNG

Bạo lực học đường là một hiện tượng đáng lo ngại, ngày càng lan rộng, có cách thức phức tạp và gây ảnh hưởng đáng kể đến cuộc sống của học sinh không chỉ ở Việt Nam mà trên toàn cầu. Nhiều người cho rằng bạo lực học đường để chỉ những hành động tác động nghiêm trọng đến thân thể người khác nhưng không dừng lại ở đó, nó bao gồm việc lăng mạ, bắt nạt học sinh, nghiêm trọng hơn là bạo lực với giáo viên. Hành động này thực hiện trên thực tế và cả ở môi trường mạng, gây ra hậu quả lâu dài về tinh thần cho các nạn nhân.

1. Khái niệm bạo lực học đường

Bạo lực học đường là hành vi hành hạ, ngược đãi, đánh đập; xâm hại thân thể, sức khỏe; lăng mạ, xúc phạm danh dự, nhân phẩm, cô lập, xua đuổi và các hành vi cố ý khác gây tổn hại về thể chất, tinh thần của người học xảy ra trong cơ sở giáo dục hoặc lớp học độc lập (*Khoản 5, Điều 2, Nghị định số: 80/2017/NĐ-CP ngày 07/5/2017 của Chính phủ Quy định môi trường giáo dục an toàn lành mạnh, thân thiện, phòng chống bạo lực học đường*)

Bạo lực học đường bao gồm 2 yếu tố chính là **bạo lực** và **học đường**. Trong đó:

+ **Bạo lực** là cụm từ để chỉ việc sử dụng sức mạnh thể chất thực hiện các hành vi thô bạo, đánh đập, xúc phạm, vi phạm quy tắc và chuẩn mực xã hội với người khác gây nên tổn thương cả về tinh thần và thể chất.

+ **Học đường** là môi trường quan trọng nơi giáo viên, học sinh tiếp xúc với kiến thức, kỹ năng, được đào tạo về giáo dục, văn hóa và xã hội. Đây là nơi rèn luyện cho học sinh về các mặt như: Kiến thức, kỹ năng, đạo đức để trở thành người có ích cho xã hội.

2. Phân loại hành vi bạo lực học đường

Bạo lực học đường chủ yếu diễn ra ở 3 hình thức: Bạo lực về thể chất, bạo lực trên tinh thần và cuối cùng là bạo lực vật chất.

- Bạo lực về thể chất là những tác động vật lý như: Đánh đập, hành hạ và ngược đãi người khác bằng dao, vũ khí hoặc cố ý xâm hại sức khỏe người khác. Những hành động này có thể dẫn đến hậu quả thể xác nghiêm trọng, khiến nạn nhân, cộng đồng học đường sợ hãi.

- Bạo lực trên tinh thần là dạng hành vi bạo hành liên quan tới tâm lý như sử dụng những lời nói miệt thị nhằm áp bức và gây tổn thương cho nạn nhân. Bạo lực tinh thần không gây ra những tổn thương trên cơ thể như: Bạo lực thể chất nhưng gây tổn hại lớn về tinh thần. Bạo lực tinh thần dựa vào việc sử dụng lời đe dọa, xúc phạm thông qua môi trường không thân thiện. Những lời lẽ lăng mạ, ác ý, đặt điều còn xuất hiện trên các trang mạng xã hội, diễn đàn, hội nhóm... tạo nên sự căng thẳng, sợ hãi trong môi trường giáo dục và đời sống.

- Bạo lực vật chất là những hành vi nhằm chiếm đoạt tài sản hay cố ý đập phá để làm hỏng tài sản riêng.

II. THỰC TRẠNG, NGUYÊN NHÂN BẠO LỰC HỌC ĐƯỜNG

1. Thực trạng

Tình trạng bạo lực học đường trên toàn quốc diễn biến phức tạp, mỗi ngày đều có những vụ ẩu đả, đánh nhau ngay trong khuôn viên trường học hay những bài đăng chửi bới xúc phạm và uy hiếp nhau trên mạng xã hội...

Theo số liệu được Bộ Giáo dục và Đào tạo đưa ra gần đây nhất, trong một năm học, toàn quốc xảy ra gần 1.600 vụ việc học sinh đánh nhau ở trong và ngoài trường học (khoảng 05 vụ/ngày). Cứ khoảng trên 5.200 học sinh thì có một vụ đánh nhau; cứ hơn 11.000 học sinh thì có một em bị buộc thôi học vì đánh nhau; cứ 09 trường thì có 01 trường có học sinh đánh nhau.

Theo số liệu thống kê của Bộ Công an thì trong 6 tháng đầu năm 2024, toàn quốc phát hiện 3.515 vụ vi phạm pháp luật do 9.224 em dưới 18 tuổi thực hiện, chủ yếu tập trung trong nhóm tuổi từ 16 đến dưới 18 tuổi với 6.542 em. Kết quả đã xử lý hình sự 1.649 vụ, 4.272 em; xử lý hành chính 1.577 vụ, 4.272 em...

Riêng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp, 6 tháng đầu năm 2024 tội phạm và vi phạm pháp luật do người dưới 18 tuổi gây ra là 43 vụ, 69 em (*tăng 07 vụ so với cùng kỳ năm 2023*). Kết quả đã khởi tố, xử lý hình sự 25 vụ, 36 em; xử lý vi phạm hành chính 14 vụ, 24 em.

Tình trạng bạo lực trong trường học đã và đang diễn ra nóng bỏng trên khắp thế giới ở tất cả những cấp học, lớp học khác nhau. Bạo lực học đường không chỉ xảy ra ở học sinh nam mà còn cả ở học sinh nữ; không chỉ giữa học sinh với học sinh mà còn có bạo lực giữa học sinh với giáo viên và giáo viên với học sinh.

- Về độ tuổi đối tượng tham gia bạo lực học đường: Độ tuổi đối tượng tham gia đánh nhau từ 06 - 10 tuổi chiếm 07%; từ 11 - 14 tuổi chiếm 45%; từ 15 - 18 tuổi chiếm 48%. Như vậy, đối tượng tham gia đánh nhau phần lớn học sinh cuối cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông. Đây là lứa tuổi mà sinh lý các em có nhiều biến đổi, suy nghĩ bông bột, thích tự mình giải quyết các mâu thuẫn, dễ bị bạn bè rủ rê lôi kéo.

- Về hình thức tổ chức: Trước đây bạo lực học đường chỉ xảy ra bình thường với các hình thức đơn giản như: Các hành động chửi bới hay xúc phạm lăng mạ, sỉ nhục hoặc chà đạp nhân phẩm, làm tổn thương về mặt tinh thần con người bằng những lời nói. Tuy nhiên, hiện nay đa số các vụ đánh nhau đều có tổ chức nhóm (đánh hội đồng). Một số em trong nhóm còn sử dụng điện thoại di động để ghi hình vụ hành hung, sau đó đăng tải lên mạng Internet để làm nhục nạn nhân và để khoe thành tích của mình. Điều này cho thấy, bạo lực học đường không chỉ là chuyện của mỗi học sinh, mà có tính chất lây lan theo nhóm bạn, đa số học sinh coi sự việc đánh nhau bình thường.

- Về công cụ phương tiện sử dụng trong bạo lực học đường: Trước đây, bạo lực học đường thường sử dụng công cụ đánh đập tra tấn trực tiếp lên thân thể khiến sức khỏe bị tổn hại qua các hành động: Đấm, đá hoặc gây gộc. Nhưng bạo lực học đường hiện nay lại táo bạo hơn nhiều với những hung khí như: Dao, kéo khiến khả năng thương tích lớn hơn gây ra xây xát, chảy máu, tinh thần hoảng loạn, chấn động tâm lý...

- Về giới tính: Nam giới chiếm 74%; Nữ giới chiếm 26%.

- Về hậu quả: Trong số các vụ bạo lực học đường đã từng có hành vi hành hung người khác, hậu quả của vụ bạo lực thường gây nên tổn thương về tinh thần và thể chất, làm mất thiện cảm của mọi người đối với các em.

- Các vụ liên quan đến bạo lực học đường xảy ra nhiều lý do khác nhau như: Không ưa nên đánh (34%); bị khiêu khích nên đánh (16%); đánh vì lý do tình cảm (18%); người khác nhờ đánh (20%) và chẳng có lý do gì cũng đánh (12%).

Ở nước ta, trong những năm gần đây, dư luận xã hội lên tiếng khá nhiều về bạo lực học đường, với những lo ngại về sự đa dạng và mức độ nguy hiểm của hành vi này. Thực chất, bạo lực học đường không phải là một vấn đề mới, nhưng càng ngày, mức độ và tính chất của hành vi càng nguy hiểm, phức tạp hơn. Trên các phương tiện thông tin đại chúng liên tục đưa tin về các vụ giáo viên ngược đãi học sinh từ mẫu giáo cho đến đại học như: Vụ việc "bảo mẫu" hành hạ dã man một cháu nhỏ tại cơ sở mầm non tư thục Phương Anh, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh; vụ tung clip giáo viên cầm dao kề vào cổ học sinh; Vụ giáo viên dùng lời lẽ, từ ngữ thô tục để lăng mạ học sinh trong lớp học, sử dụng "cực hình" đối với học sinh... Bên cạnh những bạo hành từ phía giáo viên thì trường hợp ngược lại cũng đã xảy ra nhiều như: Dọa đánh giáo viên vì không được dự thi tốt nghiệp; đánh thầy giáo vì bị thi lại môn; lăng mạ, đe dọa giáo viên vì bị ghi tên vào sổ đầu bài... Nhiều vụ xảy ra giữa học sinh với học sinh như: Vụ một nhóm nữ sinh ép bạn học phải quỳ gối, sau đó bắt bỏ đi dọc hành lang trường học và được quay video clip và tung lên mạng xã hội, gây xôn xao dư luận.

2. Nguyên nhân dẫn đến tình trạng bạo lực học đường

2.1. Nguyên nhân từ bản thân học sinh

Nguyên nhân đầu tiên có thể nói là do sự chuyển biến về tâm lý của bản thân đối tượng từ 12 - 17 tuổi, đây là giai đoạn hình thành nhân cách ở con người, cùng với đó là tâm lý không ổn định và cái tôi cá nhân quá cao (*mà không biết sử dụng đúng cách*) ở lứa tuổi *ăn chưa đủ no, lo chưa tới* này khiến các em thấy bức bối và muốn giải thoát. Trong giai đoạn này chỉ cần những tác động kích thích xấu từ thế giới bên ngoài cũng khiến các em học theo. Do sự phát triển thiếu toàn diện, thiếu hụt về nhân cách, thiếu khả năng ứng xử của bản thân và sự non nớt trong kỹ năng sống, sai lệch trong quan điểm sống dẫn đến thái độ sai trong nhận thức và hành động. Các em chưa định hình được lý tưởng sống cho bản thân nên rất dễ sa đọa.

2.2. Nguyên nhân từ môi trường gia đình

Con người được sinh ra, nhưng tính cách, phẩm chất, đạo đức do giáo dục mà hình thành. Môi trường đầu tiên mà mỗi đứa trẻ tiếp xúc là gia đình. Ông bà, cha mẹ là những ảnh hưởng đầu tiên, quan trọng nhất đến việc hình thành tính cách, nhân cách và định hướng sống của con cái. Bởi vậy, cách giáo dục và môi trường sống trong mỗi gia đình đóng vai trò quyết định, ảnh hưởng đến việc đứa trẻ lớn lên như thế nào và sống ra sao. Do vậy, những thiếu sót trong môi trường gia đình được cho là một phần ảnh hưởng đến bạo lực học đường. Việc học sinh chứng kiến tình trạng người bố nghiện rượu hay say xỉn và quát mắng người khác trong gia đình "bạo lực gia đình", lạm dụng thể chất trẻ em, lạm dụng tình dục trẻ em dạy cho trẻ rằng các hành động bạo lực là có thể chấp nhận, ở đây bạo lực gia đình gần như là cầu nối cho bạo lực học đường. Từ những cách dạy con cái bằng hình thức kỷ luật thô bạo của cha mẹ đối với đứa trẻ đã ảnh hưởng đến tính cách của đứa trẻ và dần dần đứa trẻ ấy trở nên hung hăng hơn.

Việc con cái tiếp xúc với môi trường văn hóa bạo lực như phim ảnh, sách báo, game bạo lực, xem các phim bạo lực gây ra những tác động xấu tới nhiều học sinh, thúc đẩy sự gia tăng tính hung hăng ở trẻ và học sinh, sinh viên.

Việc đối mặt với trừng phạt thân thể làm gia tăng nguy cơ hành động hung hãn ở trẻ vị thành niên. Sự áp đặt của bố mẹ và phản ứng ngược của trẻ em với những cách cư xử cưỡng bức cũng ảnh hưởng tới sự phát triển của hành vi hung hãn ở trẻ nhỏ ví dụ như: La hét, đánh đấm, bỏ đói, nhốt trong phòng kín... gia đình có những hạn chế thiếu các kỹ năng nhận thức xã hội ảnh hưởng tới cách dạy bảo con cái.

Mặt khác, do tác động của xã hội các bậc phụ huynh mãi mê làm ăn, thiếu sự quan tâm, chăm lo giáo dục, quản lý con cái, cho việc giáo dục con cái là của nhà trường, vì áp lực cuộc sống hay trút giận lên chính đứa con của mình. Hay thậm chí là bị vấp nạn bạo hành gia đình, không thường xuyên nắm bắt tâm tư và những diễn biến tâm sinh lý, tình cảm của con cái để kịp thời uốn nắn những biểu hiện lệch lạc. Và chính những hành động ấy đã vô tình gieo những nhận thức tiêu cực

vào tâm lý và tính cách của con cái mình, từ đó mà ảnh hưởng xấu đến quá trình phát triển nhân cách của con. Tình trạng này cũng đã có dấu hiệu gia tăng nhanh chóng cùng với bạo lực học đường.

2.3. Nguyên nhân từ môi trường nhà trường

Nguyên nhân gây bạo lực ở trường có thể kể đến cũng một phần là do chế độ giáo dục ở nhà trường, còn nặng giáo dục chuyên môn về kiến thức văn hóa. Mặc dù nhà trường đã coi trọng công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, đạo đức, lối sống lồng ghép trong chương trình giáo dục, các hoạt động ngoại khóa cho các em học sinh, tuy nhiên còn hạn chế trong việc nắm bắt tư tưởng, tâm lý, mâu thuẫn của học sinh nên đã ảnh hưởng đến việc học tập, nhận thức, tình cảm... của các em.

Do ảnh hưởng của sự phát triển kinh tế - xã hội ngày càng sâu sắc, đa dạng và phức tạp, đời sống tâm lý học sinh có nhiều biểu hiện đáng lo ngại. Các em thường gặp những khúc mắc trong học tập, tâm sinh lý, trong mối quan hệ với thầy cô, gia đình, bạn bè... nếu không được điều chỉnh, giải tỏa kịp thời, thì rất dễ dẫn đến hậu quả đáng tiếc như: Chán học, bỏ học, trầm cảm..., dễ dẫn đến bạo lực học đường.

2.4. Nguyên nhân từ môi trường xã hội

Môi trường xã hội hay môi trường lân cận và cộng đồng khu dân cư nơi gia đình những thanh thiếu niên sinh sống cũng nhiều nguyên nhân gây ra bạo lực học đường. Đa số những vụ bạo lực học đường thường xảy ra đối với những thanh thiếu niên nghỉ học sớm lang thang, chơi bời; sống ở những nơi có nhiều tệ nạn xã hội, tỷ lệ tội phạm cao, có nhiều đối tượng nghiện hút ma túy, cá độ bóng đá, cờ bạc, trò chơi bạo lực trên mạng... Khi tiếp xúc với các đối tượng xấu đó nhiều lần đã tác động xấu tới các em, dần dần đưa vào môi trường học đường và tác động qua lại ảnh hưởng đến những học sinh khác trong nhà trường...

Ngoài ra do ảnh hưởng bởi môi trường văn hóa bạo lực như trong các bộ phim ảnh, sách báo và các trò chơi, game mang xu hướng bạo lực, video bạo lực trên môi trường mạng... đến những đối tượng ở độ tuổi vị thành niên tò mò và tiếp xúc với những loại hình bạo lực này. Từ đó mà sinh ra tâm lý bạo lực học đường ở ngoài đời.

Qua sự phân tích trên cho thấy, tình hình bạo lực học đường xảy ra có nhiều nguyên nhân khác nhau. Do sự phát triển thể chất tâm lý lứa tuổi dễ nhiễm tính bạo lực của học sinh; sự xuống cấp đạo đức; chưa được trang bị và rèn luyện kỹ năng sống; sự thờ ơ, vô cảm và vô trách nhiệm của nhiều bậc làm cha, làm mẹ đối với con cái; phương pháp giáo dục sai lầm của gia đình; phương pháp giáo dục, quản lý, môi trường giáo dục nhà trường; những yếu kém trong quá trình phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội; hệ thống pháp luật về vấn đề bạo lực học đường ở nước ta còn chưa hoàn chỉnh; tác động tiêu cực của các phương tiện thông tin giải trí hiện đại như: Game bạo lực, các trang web có nội dung bạo lực, các phương tiện truyền

thông; ảnh hưởng tiêu cực từ mặt trái của việc hội nhập quốc tế... tất cả những vấn đề đó đã và đang đặt ra cho toàn xã hội phải có các biện pháp hữu hiệu để kịp thời phòng ngừa, ngăn chặn tình trạng này.

3. Một số giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả phòng ngừa tình hình bạo lực học đường.

3.1. Đối với bản thân các em học sinh

Các em cần nâng cao nhận thức, ý thức về hành động và những hậu quả của hành động bạo lực đó. Trong tập thể lớp, cần tổ chức các nhóm bạn đồng hành tương trợ như hình thức đôi bạn cùng tiến để nâng cao nhận thức hiểu biết tăng cường sự trao đổi khắc phục lẫn nhau cùng nhau học tập.

Tích cực rèn luyện kỹ năng sống, ngoan ngoãn lễ phép với ông bà, cha mẹ, với thầy cô giáo. Chấp hành tốt nội quy trường lớp. Chấp hành và nhận thức đúng các quy định của pháp luật như: Các hành vi vi phạm pháp luật, độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự...

Nếu thấy hiện tượng bạo lực phải kịp thời báo ngay cho nhà trường, thầy cô giáo hoặc cơ quan có thẩm quyền để kịp thời can thiệp và xử lý.

Học cách kiềm chế cảm xúc và tích cực tham gia vào các hoạt động tình nguyện mà nhà trường tổ chức nhằm tăng tính thiện và tính hướng thiện trong con người các em.

3.2. Đối với gia đình

Cha mẹ cần tạo ra một môi trường sống lành mạnh, yêu thương, quan tâm đời sống tinh thần của con cái. Có biện pháp quản lý giáo dục con em khoa học, chặt chẽ, nắm bắt tâm sinh lý của các em, thường xuyên chia sẻ, kịp thời uốn nắn khi phát hiện trẻ có những biểu hiện lệch lạc. Đồng thời, phối hợp chặt chẽ với nhà trường và giáo viên chủ nhiệm để kịp thời nắm bắt tình hình học tập của con em mình tại trường học.

Đã đến lúc cần nhìn nhận lại cách giáo dục con trẻ của một số gia đình. Lâu nay chúng ta chỉ chú trọng đến kết quả học hành của con cái mà xem nhẹ việc các em nghĩ gì, cần gì xử sự như thế nào với bạn bè. Thay vì để con cái có cuộc sống vật chất đầy đủ cha mẹ hãy là những người bạn đồng hành trong cả chặng đường làm người của con cái, không nên tạo cho con cái một cái vỏ bọc quá cứng nhắc sẽ gây nên tâm lý, ỷ lại, dựa dẫm, chơi bời và hưởng thụ. Cần có thái độ phê phán, lên án những hành vi thô bạo và phải có những biện pháp xử lý có tính chất răn đe, để làm gương cho người khác.

3.3 Đối với nhà trường

Nhà trường cần chủ động trao đổi thông tin với gia đình các em học sinh và chính quyền địa phương để nắm tình hình, kịp thời có biện pháp quản lý và giáo dục học sinh. Với phương châm hành động "phòng" là chính, cùng với dạy học, nhà trường cần chú trọng việc dạy các môn học giáo dục công dân, giáo dục đạo đức, kỹ năng sống, xây dựng môi trường sư phạm thân thiện, trang bị nhận thức đúng đắn cho học sinh để các em có hành động đẹp và biết yêu thương nhau.

Với những học sinh có cá tính mạnh, có biểu hiện "đầu gấu", thì phải khoanh vùng phối hợp cùng gia đình và nhà trường uốn nắn, phải biết lôi kéo các em vào các phong trào của lớp. Tổ chức nhiều sân chơi bổ ích để tạo sự gần gũi yêu thương con người. Tránh được sự thờ ơ vô cảm của mọi người trước những hành động bạo lực.

Nhà trường chủ động phối hợp với các lực lượng liên quan phát động phong trào quần chúng đấu tranh trực diện với các hành vi bạo lực học đường, bất cứ khi nào, nơi nào có hành vi bạo lực học đường xảy ra, các lực lượng chức năng kịp thời ngăn chặn thông báo học sinh về nhà trường, gia đình để có biện pháp giải quyết nhằm góp phần hạn chế hậu quả tác hại xảy ra.

** Riêng đối với giáo viên:*

- Giáo viên chủ nhiệm cần chủ động nắm chắc tình hình diễn biến tư tưởng của học sinh, không để các hành vi tiêu cực, bạo lực xảy ra.

- Thường xuyên quan tâm, theo dõi và nắm bắt tình hình của các em học sinh trong lớp mình chủ nhiệm hoặc tham gia giảng dạy, đặc biệt là giáo viên chủ nhiệm và giáo viên tham gia dạy kỹ năng sống. Có biện pháp can ngăn, giáo dục kịp thời đối với hiện tượng có nguy cơ dẫn đến bạo lực đối với học sinh trong lớp chủ nhiệm hoặc tham gia giảng dạy.

- Tích cực tổ chức các hoạt động sân trường, hoạt động tập thể trong giờ hoạt động sân trường hoặc trong tiết sinh hoạt, hoạt động ngoại khóa nhằm tăng tình cảm của các em học sinh trong cùng lớp, cùng trường. Phối hợp với gia đình và nhà trường để quan tâm và hỗ trợ kịp thời những khó khăn vướng mắc của học sinh.

3.4. Đối với cấp ủy, chính quyền địa phương, các tổ chức đoàn thể

Cấp ủy, chính quyền địa phương, các tổ chức đoàn thể và lực lượng Công an địa phương, các tổ Đoàn thanh niên, Hội phụ nữ, Đội thanh niên xung kích, Đội cờ đỏ... cần đảm bảo sự lãnh đạo thống nhất, nêu cao ý thức trách nhiệm, phát huy hết vai trò của mình trong phòng ngừa tình hình bạo lực học đường. Cần chủ động sử dụng tốt biện pháp vận động quần chúng, tăng cường công tác tuyên truyền, vận động khu dân cư, khi phát hiện các mâu thuẫn cần kịp thời ngăn chặn, tránh gây hậu quả xấu.

Để giải quyết vấn nạn bạo lực học đường hiện nay, cần phải có nhận thức đúng đắn về vấn đề bạo lực học đường, sự quyết tâm cao độ của toàn ngành Giáo dục, của các cấp liên ngành, của các lực lượng liên quan. Xây dựng cơ chế phối hợp giữa gia đình - nhà trường - xã hội trong phòng ngừa tình trạng bạo lực học đường.

PHẦN II. TÂM LÝ TIÊU CỰC TRONG HỌC SINH

I. NHẬN THỨC CHUNG VỀ TÂM LÝ TIÊU CỰC TRONG HỌC SINH

Bên cạnh tâm lý tích cực, tâm lý tiêu cực cũng có thể xảy ra trong quá trình học tập. Thực tế, các em học sinh có thể phải đối mặt với những tâm trạng tiêu cực như: Căng thẳng, lo âu, buồn chán, bi quan, tự ti,... do nhiều nguyên nhân khác nhau. Nếu chỉ xảy ra trong một thời gian ngắn, tình trạng này có thể không ảnh hưởng quá nhiều. Ngược lại, tâm lý tiêu cực kéo dài ảnh hưởng đáng kể đến sức khỏe và kết quả học tập.

Tâm lý tiêu cực có thể xảy ra với mọi đối tượng nhưng gặp nhiều hơn ở các em đang học trung học cơ sở và trung học phổ thông. Bởi đây là giai đoạn khá nhạy cảm do tác động của quá trình dậy thì. Lúc này, trẻ đã bắt đầu hình thành suy nghĩ, nhận thức riêng và luôn cảm thấy khó chịu khi người lớn khuyên nhủ, dạy bảo.

Tuy nhiên, so với sinh viên đại học, kỹ năng và kinh nghiệm sống của học sinh còn khá yếu kém nên chưa biết cách kiểm soát tâm lý, lời nói và hành vi. Chính vì vậy, các em học sinh dễ có các tâm lý tiêu cực và hầu như không biết cách kiểm soát, giải tỏa lành mạnh...

II. NGUYÊN NHÂN HÌNH THÀNH TÂM LÝ TIÊU CỰC TRONG HỌC SINH

1. Áp lực thành tích từ gia đình, nhà trường

Có thể thấy, áp lực thành tích là vấn đề mà bất cứ học sinh nào cũng phải đối mặt. Áp lực này có thể đến từ gia đình và nhà trường khiến trẻ thường xuyên bị căng thẳng, chán nản, thậm chí nhiều trẻ cảm thấy đuối sức khi phải học tập liên tục trong nhiều giờ liền.

Kết quả học tập phần nào phản ánh được năng lực của học sinh và khả năng giảng dạy của giáo viên. Tuy nhiên, khả năng của mỗi học sinh là hoàn toàn khác nhau. Do đó, việc so sánh thành tích và đặt kỳ vọng quá cao vào các em khiến học sinh hình thành những suy nghĩ và tâm lý tiêu cực như: Chán nản, lo lắng, căng thẳng, bi quan,...

2. Kết quả học tập không như mong muốn

Thực tế, không ít các em học sinh nỗ lực học tập nhưng không đạt được kết quả như mong muốn. Điều này có thể do trẻ bị căng thẳng và áp lực quá mức. Thậm chí khi gia đình và nhà trường không khiển trách, trẻ cũng có thể tự dằn vặt mình dẫn đến những tâm lý tiêu cực như: Buồn bã, bi quan, chán nản, lo âu, tự ti,...

3. Gia đình không quan tâm, chia sẻ

Gia đình là chỗ dựa tinh thần vững chắc và là nơi để trẻ dựa vào khi gặp phải những khó khăn. Tuy nhiên, trên thực tế, không ít bậc phụ huynh mải mê với công việc mà bỏ quên việc chăm sóc và chia sẻ với con trẻ - đặc biệt là trong giai đoạn dậy thì từ 10 - 17 tuổi. Đây là giai đoạn trẻ khá nhạy cảm và dễ đối mặt với những tâm lý tiêu cực khi gặp áp lực trong học tập, mâu thuẫn với thầy cô, bạn bè,...

Ngoài ra, cách giáo dục quá hà khắc của một số gia đình cũng khiến trẻ tự thu mình, không chia sẻ và bày tỏ với bố mẹ những vấn đề đang gặp phải. Đặc điểm chung của những gia đình này là luôn trách móc, trừng phạt con cái khi trẻ mắc lỗi mà quên rằng trẻ cũng cần được chia sẻ và thấu hiểu.

Gia đình không quan tâm hoặc giáo dục quá hà khắc cũng có thể khiến trẻ hình thành tâm lý tiêu cực trong học tập.

So với những áp lực từ nhà trường, sự vô tâm, thờ ơ và thiếu thấu hiểu của gia đình khiến trẻ bị tổn thương nhiều hơn. Nhiều trẻ cảm thấy cô đơn, lạc lõng và ngột ngạt trong chính gia đình của mình. Nếu gia đình không thay đổi cách giáo dục, trẻ có thể phải đối mặt với những tâm lý tiêu cực kéo dài. Điều này ảnh hưởng đến kết quả học tập và quá trình phát triển nhân cách của trẻ.

4. Sự bất công trong môi trường giáo dục

Thực tế cho thấy, không ít trẻ bị giáo viên "chú ý" và đối xử không công bằng. Trong khi đó, một số trẻ lại nhận được sự ưu ái quá mức. Đây cũng là vấn đề bất cập xảy ra khá nhiều trong môi trường giáo dục.

Thông thường, giáo viên thường nhẹ nhàng với những học sinh ngoan, học tập tốt và quá nghiêm khắc với học sinh thường xuyên quậy phá. Tuy nhiên, điều này vô tình khiến trẻ có cách nhìn sai lệch và cho rằng bản thân đang phải đối mặt sự đối xử không công bằng, đặc biệt là trong giai đoạn nhạy cảm như dậy thì. Chính vì vậy, giáo viên cần có cách cư xử khéo léo để học sinh có thể nhận biết được hành vi của bản thân là hoàn toàn sai và tự điều chỉnh để phù hợp hơn.

III. BIỂU HIỆN CỦA TÂM LÝ TIÊU CỰC TRONG HỌC ĐƯỜNG

- Trẻ luôn cảm thấy chán nản, bi quan và không có hứng thú trong quá trình học tập.

- Tâm lý tiêu cực trong học tập cũng khiến trẻ có những hành vi như: Mất tập trung khi học tập, trốn học, không làm bài tập và không hoàn thành những nhiệm vụ được giao.

- Một số trẻ có những hành vi, tâm lý phức tạp hơn như: Chống đối, nổi giận, cãi vã với bố mẹ, thầy cô.

- Trẻ có tính cách nhạy cảm có thể biểu hiện qua một số hành vi như: Buồn bã, hay khóc lóc, tự thu mình và ít chia sẻ.

- Nếu tâm lý tiêu cực xảy ra do mâu thuẫn với thầy cô, bạn bè, trẻ có thể giữ sự thù hằn, tức giận và có những hành vi trả đũa.

- Trẻ có thể tỏ ra đố kỵ, ganh ghét bạn bè vì kết quả học tập hoặc do nhận được sự ưu ái hơn từ giáo viên, nhà trường.

IV. TÁC HẠI, ẢNH HƯỞNG CỦA TÂM LÝ TIÊU CỰC

Tâm lý tiêu cực không phải lúc nào cũng gây ra tác hại. Trên thực tế nếu chỉ xảy ra trong một thời gian ngắn, các tâm lý này đôi khi cũng mang lại những lợi ích như: Tăng khả năng tập trung khi học tập, tạo động lực để trẻ hoàn thiện bản thân và nỗ lực đạt thành tích cao trong học tập. Tuy nhiên, vì bản thân trẻ còn hạn chế về kinh nghiệm sống nên không biết cách giải tỏa và kiểm soát đúng cách.

Tâm lý tiêu cực kéo dài gây ra nhiều ảnh hưởng đối với quá trình học tập của trẻ. Ban đầu, trẻ sẽ đánh mất sự hứng thú và hào hứng trong học tập. Sau đó, thể hiện rõ cảm giác chán nản, bi quan và giảm khả năng tập trung. Nếu những tâm lý tiêu cực không được điều chỉnh, kết quả học tập của trẻ sẽ bị sụt giảm, trẻ phải đối mặt với sự chỉ trích từ gia đình, thầy cô và thậm chí là bạn bè.

Ngoài ra, tâm lý tiêu cực cũng gây ra sự ngột ngạt và mất ổn định trong tâm lý của trẻ. Chỉ với một tác động nhỏ, trẻ có thể nổi giận và nảy sinh xung đột, mâu thuẫn với những người xung quanh. Tuy nhiên, phản ứng chung của nhà trường và gia đình là trách phạt trẻ mà không hề biết rằng, các hành vi này là cách chống trả non nớt với những áp lực tâm lý và tâm lý tiêu cực. Thậm chí, một số trẻ còn có biểu hiện trầm cảm ở tuổi dậy thì, stress (căng thẳng), rối loạn tâm lý và hội chứng tự ngược đãi bản thân (hội chứng Self-Harm).

V. GIẢI PHÁP PHÒNG NGỪA TÂM LÝ TIÊU CỰC TRONG HỌC SINH

1. Đối với nhà trường

- Không nên quá đặt nặng thành tích học tập, thay vào đó nên khuyến khích trẻ học tập hết mình để trở thành phiên bản tốt nhất của bản thân. Đồng thời, cần giáo dục để trẻ hiểu rõ ý nghĩa và vai trò của việc học đối với tương lai của trẻ, gia đình và xã hội.

- Bên cạnh lý thuyết, cần khuyến khích trẻ thực hành tại nhà để gia tăng sự sáng tạo và hứng thú khi học tập. Ngoài ra, giáo viên cũng cần chú ý đến thể mạnh của từng học sinh để hỗ trợ trẻ phát triển năng khiếu và hoàn thiện những điểm còn hạn chế.

- Bên cạnh những quy định cần phải tuân thủ, nhà trường cũng cần mềm mỏng và linh hoạt trong từng hoàn cảnh. Tránh trách phạt quá nặng nề khiến tâm lý của

trẻ bị tổn thương, dẫn đến việc trẻ giữ sự thù hằn, tức giận và có những hành vi chống đối.

- Ngoài kết quả học tập, giáo viên cũng cần quan tâm đến đời sống tinh thần và chủ động chia sẻ khi nhận thấy trẻ có những vấn đề bất thường. Bên cạnh đó, nhà trường cũng cần có mối liên hệ chặt chẽ với gia đình để cùng phát hiện và xử lý sớm những vấn đề tâm lý ở trẻ.

- Hiện nay, một số trường học đã phát triển các phòng ban tiếp nhận tư vấn tâm lý để kịp thời giải tỏa những vướng mắc và khó khăn về mặt tâm lý mà học sinh gặp phải.

- Đối với trẻ thường xuyên phạm lỗi, nên trò chuyện nhẹ nhàng để hiểu hơn về tâm lý và khuyến khích trẻ thực hiện những hành vi tốt thông qua lời khen ngợi. Nếu nhận thấy trẻ có những biểu hiện khác thường kéo dài, nên trao đổi với gia đình để tìm cách giải quyết. Bởi ở giai đoạn này, trẻ rất dễ bị rối loạn hành vi và tâm lý, rối loạn tâm lý,...

- Nhà trường cần phải đảm bảo xây dựng môi trường học đường lành mạnh để trẻ có thể an tâm học tập và có điều kiện phát huy năng lực.

2. Đối với gia đình

- Dành thời gian trò chuyện với con cái để hiểu rõ tâm lý của con. Từ đó có thể đưa ra lời khuyên để trẻ có thể tự mình kiểm soát và giải tỏa những tâm lý tiêu cực.

- Không nên tạo áp lực quá mức cho con cái. Ngoài thời gian học tập, nên cho trẻ vui chơi phù hợp lứa tuổi để trẻ có thể phát triển cả về thể chất và tinh thần.

- Thay đổi cách giáo dục hà khắc hoặc quá bảo bọc con cái. Chỉ nên quan tâm trẻ đúng mực để trẻ vừa có thể dựa dẫm vào gia đình khi cần vừa có thể phát triển tính tự lập và có trách nhiệm hơn với bản thân.

- Chú ý đến các mối quan hệ của con trẻ. Thực tế, những tâm lý tiêu cực có thể đến từ những mối quan hệ "độc hại". Trong trường hợp này, cha mẹ cần khéo léo đưa ra lời khuyên và hướng dẫn trẻ để có thể hạn chế những mối quan hệ này và thiết lập các mối quan hệ lành mạnh hơn.

- Khi nhận thấy trẻ giữ những tâm lý tiêu cực lâu dài, nên cân nhắc đưa trẻ đến gặp chuyên gia tâm lý để được tư vấn và trị liệu. Thực tế, trẻ ở tuổi dậy thì đôi khi có những suy nghĩ, quan niệm cứng nhắc và không phù hợp với tiêu chuẩn xã hội. Can thiệp tham vấn, trị liệu tâm lý sớm sẽ giúp trẻ điều chỉnh tâm lý, suy nghĩ và các hành vi theo chiều hướng tích cực hơn.

- Có các hình phạt phù hợp khi trẻ phạm lỗi nhưng cần tránh trừng phạt quá nghiêm khắc và hạn chế tối đa những lời nói nặng nề, cay nghiệt khiến trẻ bị tổn thương tâm lý.

- Cùng con thiết lập mục tiêu học tập, xây dựng ước mơ tươi đẹp cho tương lai. Điều này sẽ giúp con có thêm động lực lớn để học tập chủ động, hào hứng và vui vẻ hơn. Như vậy, con sẽ học tập hiệu quả hơn đồng thời giảm tâm lý tiêu cực do áp lực học tập gây ra.

3. Đối với bản thân các em học sinh

- Cần hiểu được tác hại của tâm lý tiêu cực đối với kết quả học tập và sức khỏe của bản thân để có động lực giải tỏa tâm lý và lấy lại niềm vui, sự hào hứng trong việc học.

- Học cách chia sẻ vấn đề với gia đình, bạn bè hoặc thầy cô giáo. Nếu không sẵn sàng để chia sẻ, có thể viết nhật ký nhằm giải tỏa tâm lý và đưa tâm lý trở về trạng thái ổn định.

- Nếu cảm thấy quá tải với việc học, nên chủ động nói với cha mẹ và thầy cô. Cha mẹ, thầy cô sẽ đưa ra những lời khuyên để trẻ có thể lên kế hoạch học tập phù hợp và có đủ thời gian để nghỉ ngơi, thư giãn.

- Tập thể dục thường xuyên để nâng cao sức khỏe và cải thiện khả năng học tập. Ngoài ra, thói quen này cũng giúp giải tỏa những tâm lý tiêu cực như: Căng thẳng, lo âu, buồn bã, chán nản,...

- Hãy nhớ rằng bất kỳ ai cũng phải trải qua khó khăn và vấn đề. Vì vậy, hãy nỗ lực vượt qua thay vì giữ sự tức giận, nóng nảy và thù hận.

Tâm lý tiêu cực trong học tập ảnh hưởng đáng kể đến thành tích, các mối quan hệ và thậm chí là sức khỏe. Do đó, gia đình và nhà trường cần quan tâm đến đời sống tinh thần của trẻ. Ngoài ra, trẻ cũng nên chia sẻ với gia đình những vấn đề đang gặp phải để nhận được những lời khuyên hữu ích.

CHUYÊN ĐỀ 2

THỰC HIỆN QUY TẮC ỨNG XỬ, QUY CHẾ DÂN CHỦ TRONG NHÀ TRƯỜNG VÀ QUY ĐỊNH VỀ ĐẠO ĐỨC NHÀ GIÁO

I. THỰC HIỆN QUY TẮC ỨNG XỬ TRONG NHÀ TRƯỜNG

1. Công tác triển khai thực hiện thời gian qua

Thực hiện Chỉ thị số: 08/CT-TTg ngày 01/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường triển khai công tác xây dựng văn hóa học đường, tỉnh Đồng Tháp đã triển khai đồng bộ nhiều hoạt động. Trong đó, việc quán triệt các văn bản chỉ đạo, tổ chức các hoạt động giáo dục truyền thống và nâng cao chất lượng đội ngũ là những trọng tâm. Bên cạnh đó, Tỉnh cũng chú trọng đầu tư cơ sở vật chất và huy động nguồn lực xã hội để tạo môi trường học tập lành mạnh. Nhờ những nỗ lực này, nhận thức về văn hóa ứng xử trong cộng đồng giáo dục ngày càng được nâng cao, góp phần xây dựng một môi trường học đường văn minh, tiên bộ.

- Tuyên truyền, phổ biến, quán triệt các văn bản chỉ đạo thực hiện xây dựng văn hóa học đường

+ Triển khai hiệu quả Chỉ thị số: 08/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ; Kế hoạch số: 259/KH-UBND ngày 14/11/2019 của Ủy ban nhân dân Tỉnh về thực hiện Đề án "Xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học giai đoạn 2019 - 2025" trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp; Kế hoạch số: 376/KH-UBND ngày 29/12/2021 của Ủy ban nhân dân Tỉnh về triển khai thực hiện Chương trình "Tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống và khơi dậy khát vọng cống hiến cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng giai đoạn 2021 - 2030".

+ Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị quán triệt sâu sắc quan điểm của Đảng, chính sách pháp luật, quy định của Nhà nước về văn hóa học đường; nâng cao nhận thức văn hóa học đường là một trong những nhiệm vụ quan trọng, xuyên suốt được triển khai thực hiện ở các cấp.

+ Tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức của toàn xã hội về vị trí, vai trò của văn hóa, xây dựng môi trường văn hóa học đường, góp phần bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa lịch sử dân tộc.

- Tăng cường tổ chức các hoạt động giáo dục văn hoá truyền thống

+ Triển khai hiệu quả Chương trình giáo dục lịch sử địa phương vào Chương trình giáo dục phổ thông 2018, bảo đảm tiến độ và hiệu quả.

+ Phát huy hiệu quả các thiết chế văn hóa hiện có để phục vụ nhu cầu vui chơi, giải trí lành mạnh của học sinh, sinh viên tại các cơ sở giáo dục; chú trọng tổ chức hoạt động tìm hiểu, phát huy giá trị các di tích lịch sử văn hóa, đền đài, nghĩa trang,

chăm lo các Mẹ Việt Nam anh hùng, gia đình chính sách; tăng cường công tác phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội, phát huy vai trò, trách nhiệm của gia đình trong giáo dục văn hóa ứng xử cho học sinh, sinh viên.

+ Xây dựng nội dung giáo dục giá trị văn hóa truyền thống; tình yêu quê hương; giá trị lịch sử địa phương. Tăng cường thực hiện các giải pháp đồng bộ, phù hợp trong công tác phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội. Phát huy vai trò, trách nhiệm của gia đình trong việc giáo dục văn hóa học đường.

- *Phát triển nguồn nhân lực*: Tập trung đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên, giảng viên, nhân viên đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu, nhất là nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, lối sống, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

- *Tăng cường cơ sở vật chất*: Rà soát, quy hoạch mạng lưới các cơ sở giáo dục; bố trí kinh phí đầu tư cơ sở vật chất đạt mức tối thiểu trở lên theo quy định, nhất là quy định về phòng học chức năng, sân chơi, bãi tập, nhà đa năng, các công trình vệ sinh, khu vui chơi, trồng cây xanh trong sân trường,...

- *Kinh phí*

+ Kinh phí triển khai thực hiện kế hoạch này được bố trí trong dự toán chi ngân sách hằng năm của các sở, ban, ngành Tỉnh, uỷ ban nhân dân huyện, thành phố theo phân cấp ngân sách hiện hành.

+ Nguồn chi thường xuyên và kinh phí hợp pháp của các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp theo quy định. Kinh phí từ nguồn xã hội hóa và các nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

a) *Thuận lợi*

- Nhận thức được nâng cao: Học sinh, giáo viên và phụ huynh đã có nhận thức rõ hơn về tầm quan trọng của việc tuân thủ quy tắc ứng xử.

- Môi trường học đường được cải thiện: Môi trường học đường trở nên lành mạnh, thân thiện hơn, giảm thiểu các hành vi bạo lực, xâm hại học đường.

- Chất lượng giáo dục được nâng cao: Việc tuân thủ quy tắc ứng xử tạo điều kiện thuận lợi cho việc học tập, giúp nâng cao chất lượng giáo dục.

- Tăng cường sự gắn kết: Quy tắc ứng xử giúp tăng cường sự gắn kết giữa học sinh, giáo viên, phụ huynh và nhà trường.

b) *Tồn tại và hạn chế*

- Thiếu tính nhất quán: Việc thực hiện quy tắc ứng xử chưa được thực hiện một cách nhất quán ở tất cả các trường học.

- Thiếu sự tham gia của học sinh: Một số học sinh chưa thực sự chủ động tham gia vào việc xây dựng và thực hiện quy tắc ứng xử.

- Khó khăn trong việc xử lý vi phạm: Việc xử lý các trường hợp vi phạm quy tắc ứng xử chưa được thực hiện một cách kịp thời và hiệu quả.

- Ảnh hưởng của yếu tố bên ngoài: Các yếu tố bên ngoài như: Gia đình, xã hội cũng ảnh hưởng đến việc thực hiện quy tắc ứng xử trong nhà trường.

c) Các yếu tố ảnh hưởng đến việc thực hiện quy tắc ứng xử

- Sự lãnh đạo của nhà trường: Vai trò của hiệu trưởng, giáo viên chủ nhiệm rất quan trọng trong việc xây dựng và duy trì quy tắc ứng xử.

- Sự tham gia của học sinh: Sự tham gia tích cực của học sinh trong quá trình xây dựng và thực hiện quy tắc ứng xử là rất cần thiết.

- Sự phối hợp của gia đình và cộng đồng: Sự phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng là yếu tố quan trọng để đảm bảo hiệu quả của việc thực hiện quy tắc ứng xử.

- Các chính sách và quy định của Nhà nước: Các chính sách và quy định của Nhà nước về giáo dục đóng vai trò quan trọng trong việc tạo khung pháp lý cho việc thực hiện quy tắc ứng xử.

2. Nhiệm vụ trọng tâm trong thời gian tới

Một là, tăng cường công tác tuyên truyền rộng rãi về ý nghĩa và tầm quan trọng của việc tuân thủ quy tắc ứng xử. Tổ chức các buổi tuyên truyền, hội thảo, tọa đàm. Sử dụng các phương tiện truyền thông như: Bản tin, tờ rơi, video, mạng xã hội. Lồng ghép nội dung tuyên truyền vào các tiết học, các hoạt động ngoại khóa.

Hai là, xây dựng quy tắc ứng xử phù hợp với từng cấp học, từng đối tượng học sinh và đặc điểm của từng trường học đảm bảo tính khả thi, phù hợp, công bằng và linh hoạt.

Ba là, tổ chức các hoạt động giáo dục ngoại khóa, câu lạc bộ để giáo dục học sinh về đạo đức, kỹ năng sống, câu lạc bộ thể thao.

Bốn là, tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy tắc ứng xử và kịp thời xử lý các vi phạm.

Năm là, phối hợp chặt chẽ với gia đình và cộng đồng tổ chức các buổi họp phụ huynh, các buổi sinh hoạt cộng đồng để tăng cường sự phối hợp giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng để tạo sự thống nhất trong việc giáo dục con em, nhận được sự ủng hộ và tham gia của cộng đồng cùng nhau giải quyết các vấn đề phát sinh.

II. THỰC HIỆN QUY CHẾ DÂN CHỦ TRONG NHÀ TRƯỜNG

1. Công tác thực hiện dân chủ cơ sở trong thời gian qua

Cấp ủy, chính quyền và doanh nghiệp xác định việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở là nhiệm vụ quan trọng, được thực hiện thường xuyên liên tục, được chỉ đạo tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện, các văn bản về thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở như: Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022; Nghị định số: 59/2023/NĐ-CP ngày 14/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở.

Việc xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, nhất là sau khi Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở có hiệu lực đã góp phần đổi mới phương thức, nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, quản lý, điều hành của chính quyền; đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội; thực hiện các nhiệm vụ chính trị, kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị của địa phương. Cấp ủy, chính quyền và doanh nghiệp thường xuyên quan tâm, chủ động, linh hoạt trong lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai thực hiện quy chế dân chủ phù hợp với tình hình, điều kiện và lĩnh vực của cơ quan, đơn vị, địa phương, doanh nghiệp gắn với phát huy trách nhiệm của người đứng đầu.

Thực hiện quy chế dân chủ ở các loại hình cơ sở có hiệu quả, tác động tích cực đến công tác xây dựng tổ chức cơ sở Đảng, chính quyền, đoàn thể nhân dân; Tạo môi trường dân chủ, công khai minh bạch, nâng cao tinh thần trách nhiệm cho cán bộ, đảng viên, góp phần xây dựng cơ quan, đơn vị, địa phương trong sạch, vững mạnh. Cấp ủy đảng, chính quyền các xã, phường, thị trấn thường xuyên quan tâm đến việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở theo Nghị định số: 04/2015/NĐ-CP ngày 09/01/2015 của Chính phủ về thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính Nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập và Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở ngày càng chuyển biến tích cực.

a) Thuận lợi

Công tác cải cách hành chính, giữ vững kỷ luật, kỷ cương hành chính được tăng cường. Ủy ban nhân dân Tỉnh ban hành văn bản và lồng ghép triển khai trong một số cuộc họp, hội nghị các cơ quan hành chính Nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc (gọi tắt cơ quan, đơn vị) tiếp tục triển khai, quán triệt và thực hiện nghiêm túc các chỉ thị, kết luận của Trung ương, văn bản của Tỉnh về thực hiện dân chủ⁽¹⁾.

⁽¹⁾ Quyết định số 310-QĐ/TU ngày 06/01/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành quy chế làm việc của Ban Chỉ đạo thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở Tỉnh; Chương trình số 03-CTr/BCĐ ngày 03/4/2023 của Ban Chỉ đạo thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở Tỉnh về Chương trình làm việc của Ban Chỉ đạo thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở Tỉnh năm 2023; Hướng dẫn số 06-HD/BCĐ ngày 28/10/2021 của Ban Chỉ đạo thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở Tỉnh về tổ chức và hoạt động của Ban Chỉ đạo hoặc Ban Vận động thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính Nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 04/2015/NĐ-CP của Chính phủ; Công văn số 19-CV/BCĐ ngày 22/3/2023 của Ban Chỉ đạo Tỉnh về sửa đổi Hướng dẫn số 06-HD/BCĐ của Ban Chỉ đạo

Riêng đối với ngành Giáo dục đã tập trung đẩy mạnh việc phổ biến, tuyên truyền, xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở gắn với thực hiện các nhiệm vụ chính trị của đơn vị đến cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân; thành lập Ban Chỉ đạo quy chế dân chủ ở cơ sở tại cơ quan, đơn vị; tổ chức kiểm tra, giám sát quy chế dân chủ ở cơ sở, từ đó đã góp phần nâng cao nhận thức, trách nhiệm của người đứng đầu trong thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, gắn với việc triển khai thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước⁽²⁾. Qua triển khai, thực hiện các loại hình về dân chủ cơ sở ở đơn vị sự nghiệp công lập thì đảm bảo tính dân chủ, công khai, minh bạch; tạo điều kiện để cán bộ, công chức thực hiện việc giám sát, kiểm tra các hoạt động của cơ quan, đơn vị, nhất là vai trò của tổ chức công đoàn cơ sở; kịp thời giải quyết các khiếu nại, tố cáo và công khai kết quả giải quyết công việc với công dân, cơ quan, doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

Việc triển khai các văn bản, nâng cao nhận thức của công chức, viên chức và người lao động về thực hiện quy chế dân chủ, trên cơ sở đó cùng tham gia xây dựng quy chế dân chủ của cơ quan và thực hiện có hiệu quả. Đồng thời, gắn việc thực hiện quy chế dân chủ với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của cơ quan, coi đây là việc làm thường xuyên, đảm bảo phát huy quyền làm chủ của công chức, viên chức và người lao động, góp phần xây dựng cơ quan trong sạch, vững mạnh, đội ngũ có đủ năng lực, phẩm chất, làm việc có hiệu quả, ngăn chặn và chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, phiền hà, sách nhiễu nhân dân; việc quán triệt, thực hiện quy chế dân chủ được lồng ghép với việc tuyên truyền, triển khai, quán triệt nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước với việc phổ biến các văn bản pháp luật và triển khai nhiều văn bản quy phạm pháp luật; gắn việc thực hiện quy chế dân chủ cơ quan với các cuộc vận động, các phong trào khác, đặc biệt là gắn với việc triển khai thực hiện "Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh".

Việc tổ chức triển khai các phong trào thi đua được Ủy ban nhân dân Tỉnh quan tâm chú trọng trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo. Tập trung đổi mới mạnh mẽ trong chỉ đạo, tổ chức các phong trào thi đua, nhất là đổi mới về nội dung, chỉ tiêu thi đua, xây dựng tiêu chí, thang bảng điểm; phát động thi đua; tăng cường công tác kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các phong trào thi đua.

Tỉnh; Kế hoạch số 77-KH/BDVTU ngày 05/5/2023 của Ban Dân vận Tỉnh ủy phát động phong trào thi đua thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở năm 2023; Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở; Nghị định số 59/2023/NĐ-CP ngày 14/8/2023 của Chính phủ quy định một số điều của Luật Thực hiện Dân chủ ở cơ sở.

⁽²⁾ Đảng ủy cơ sở Sở Giáo dục và Đào tạo ban hành Quyết định số 196-QĐ/ĐU ngày 08/11/2021 thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện dân chủ trong hoạt động của Sở Giáo dục và Đào tạo; ban hành Quyết định số 197-QĐ/ĐU ngày 08/11/2021 về ban hành quy chế làm việc của Ban Chỉ đạo thực hiện dân chủ trong hoạt động của Sở Giáo dục và Đào tạo.

Việc thực hiện chính sách khen thưởng được Ủy ban nhân dân Tỉnh chú trọng triển khai thực hiện ngày càng bám sát thực tiễn, đi vào thực chất gắn với kết quả thực hiện kế hoạch công tác và nhiệm vụ được giao, đảm bảo khách quan, dân chủ, kịp thời. Trong những năm qua, việc bình xét các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng được đơn vị thực hiện theo nguyên tắc công khai, dân chủ, trung thực, đảm bảo các tập thể, cá nhân. Đây cũng là động lực thúc đẩy phong trào thi đua yêu nước của các đơn vị ngày càng chất lượng.

Nhìn chung, việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở trên địa bàn Tỉnh được cấp ủy, chính quyền các cấp quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện đồng bộ. Các cơ quan, đơn vị, địa phương đã chủ động xây dựng kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở theo quy định. Hoạt động quản lý, điều hành của chính quyền các cấp theo hướng cụ thể, gần dân, vì dân phục vụ, lắng nghe, tiếp thu ý kiến đóng góp của nhân dân.

Kết quả thực hiện quy chế dân chủ ở từng loại hình cơ sở đi vào chiều sâu. Công tác đối thoại, tiếp công dân, xử lý đơn, thư khiếu nại, tố cáo và những kiến nghị, nguyện vọng chính đáng, hợp pháp của người dân, doanh nghiệp được quan tâm. Công tác cải cách các thủ tục hành chính, giải quyết công việc hàng ngày cho nhân dân được công khai, dân chủ, minh bạch. Tinh thần, thái độ phục vụ nhân dân, đạo đức công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có nhiều tiến bộ... Từ đó, đã tạo được niềm tin của nhân dân trong việc tham gia giám sát và phản biện xã hội, góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền trong sạch, vững mạnh.

b) Tồn tại và hạn chế

Thời gian qua việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở của một số địa phương, đơn vị chưa sâu rộng và thường xuyên; một số nơi xây dựng chương trình, kế hoạch triển khai và tổ chức thực hiện còn chậm; có đơn vị chưa xây dựng chương trình công tác, kế hoạch kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Một số cơ quan, đơn vị chưa quan tâm đúng mức đến việc thực hiện dân chủ. Công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt chủ trương, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ còn hình thức; nội dung cụ thể hóa việc thực hiện dân chủ gắn với nhiệm vụ chuyên môn chưa cụ thể.

Việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính ở một số cơ quan, đơn vị chưa nghiêm. Vẫn còn một số công chức, viên chức và người lao động chưa mạnh dạn đóng góp ý kiến xây dựng cơ quan, đơn vị; Ban Thanh tra nhân dân ở một số ít cơ quan, đơn vị hoạt động mang tính hình thức, chưa thể hiện hết vai trò, trách nhiệm giám sát, kiểm tra hoạt động của cơ quan, đơn vị nhằm phát huy dân chủ. Chưa có nhiều điển hình, mô hình tốt trong việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở.

2. Nhiệm vụ trọng tâm trong thời gian tới

Một là, các cấp uỷ, tổ chức đảng tăng cường công tác chỉ đạo tuyên truyền, quán triệt, phổ biến, triển khai các nội dung của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, tiếp tục thực hiện Chỉ thị số: 33/CT-TTg, ngày 26/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục tăng cường và đổi mới công tác dân vận của cơ quan hành chính Nhà nước, chính quyền các cấp trong tình hình mới; về phát huy dân chủ trên nhiều lĩnh vực công tác của cơ quan, đơn vị gắn với việc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đảng các cấp và các nghị quyết chuyên đề, kết luận của Tỉnh uỷ, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ đến đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân với tinh thần đổi mới, chất lượng, bảo đảm sâu, rộng, có sức lan tỏa tới người dân, nhằm phát huy quyền làm chủ của người dân; phát huy vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu trong việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở tại cơ quan, đơn vị, địa phương.

Hai là, tiếp tục tổ chức quán triệt, nâng cao nhận thức cho công chức, viên chức và người lao động thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở theo Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở⁽³⁾, Nghị định số: 59/2023/NĐ-CP của Chính phủ và các văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước về thực hiện quy chế dân chủ cơ sở trong các hoạt động của cơ quan nhằm nâng cao nhận thức, phát huy vai trò, tinh thần trách nhiệm của các cấp uỷ đảng, các thành viên Ban Giám đốc và từng công chức, viên chức và người lao động vào việc tham gia quản lý và thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị. Quan tâm phát huy dân chủ, công khai, minh bạch trong công tác tổ chức cán bộ, chỉ tiêu nội bộ nhằm tạo sự đoàn kết nội bộ, không để phát sinh đơn thư khiếu nại, tố cáo.

Ba là, củng cố, kiện toàn và nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ đạo thực hiện quy chế dân chủ cơ quan, nâng cao vai trò trách nhiệm của từng thành viên Ban Chỉ đạo, làm tốt công tác tham mưu cho cấp uỷ, lãnh đạo Sở những biện pháp tích cực nhằm ngăn chặn và đẩy lùi tệ nạn quan liêu, tham nhũng, lãng phí. Tăng cường phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng uỷ, Chi uỷ trong việc thực hiện quy chế dân chủ; phát huy tốt vai trò đại diện của tổ chức Công đoàn cơ quan và Ban Thanh tra nhân dân trong quá trình thực hiện; chỉ đạo tổ chức tốt hội nghị công chức và người lao động hằng năm. Kiện toàn và nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân trong việc giám sát, kiểm tra thực hiện quy chế dân chủ trong cơ quan. Tăng cường các hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân trong việc chấp hành quy chế hoạt động và quy chế chỉ tiêu nội bộ.

Bốn là, tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính theo chương trình đã ban hành, gắn với cuộc vận động triển khai thực hiện Kết luận số 01-KL/TW ngày 18/5/2021 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức,

⁽³⁾ Ngày 10/11/2022 tại Kỳ họp thứ 4, Quốc hội khoá XV, Quốc hội tiến hành biểu quyết thông qua Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở. Nội dung của Luật bao gồm 6 chương và 91 điều; có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2023.

phong cách Hồ Chí Minh, chuyên đề năm 2024 "Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong phát huy tinh thần tự lực, chăm chỉ, hợp tác của nhân dân Đồng Tháp", Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Tăng cường kiểm tra, giám sát, giáo dục tinh thần trách nhiệm, thái độ ứng xử của đội ngũ công chức, viên chức trong quan hệ giải quyết công việc với tổ chức, công dân.

Năm là, thực hiện tốt công tác kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện, kịp thời có những điều chỉnh và biện pháp thích hợp để nâng cao hiệu quả thực hiện. Tổ chức sơ kết, tổng kết việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ quan, qua đó rút kinh nghiệm để thực hiện quy chế dân chủ đạt hiệu quả tốt hơn. Đẩy mạnh việc xây dựng mô hình, cách làm hay, sáng kiến trong thực hiện quy chế dân chủ tại cơ quan; đánh giá, khen thưởng kịp thời để động viên những cá nhân, tập thể có thành tích trong xây dựng, thực hiện tốt quy chế dân chủ tại cơ quan, đơn vị.

III. QUY ĐỊNH VỀ ĐẠO ĐỨC NHÀ GIÁO

1. Thực hiện các quy định về đạo đức nhà giáo ở các cơ sở giáo dục thời gian qua

a) Thuận lợi

Các cơ sở giáo dục đã làm tốt công tác ổn định về tư tưởng, kiên định lập trường, rèn luyện về đạo đức lối sống, giữ gìn phẩm chất đạo đức của nghề giáo "nghề trồng người" trong tập thể đơn vị. Rèn luyện nâng cao bản lĩnh chính trị.

Làm tốt công tác tuyên truyền, quán triệt văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đạo đức nhà giáo. Trong đó, quán triệt sâu sắc Quyết định số: 16/2008/QĐ-BGDĐT ngày 16/4/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành về đạo đức nhà giáo; Thông tư số: 06/2019/TT-BGDĐT ngày 12/4/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về quy tắc ứng xử trong các cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên...; triển khai các văn bản của Sở Giáo dục và Đào tạo về tăng cường công tác quản lý và nâng cao đạo đức nhà giáo⁽⁴⁾.

Công chức, viên chức và người lao động trong các cơ sở thực hiện nghiêm túc các quy định về đạo đức, nền nếp, kỷ cương trường học. Chấp hành nghiêm chỉnh chủ trương chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, các quy định của ngành, nội quy của cơ quan. Có ý thức tổ chức kỷ luật, chấp hành nghiêm sự điều động, phân công của tổ chức; có ý thức tập thể, phấn đấu vì lợi ích chung. Sống có lý tưởng, có mục đích, hòa nhập với cộng đồng phù hợp với bản sắc dân tộc. Tác phong làm việc nhanh nhẹn, khẩn trương, khoa học, có thái độ văn minh, lịch sự

⁽⁴⁾ Công văn số: 1356/SGDĐT-CTTT ngày 01/9/2017 của Sở Giáo dục và Đào tạo về triển khai Nghị định số: 80/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định về môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường. Công văn số: 1152/SGDĐT-CTTT ngày 14/9/2028 của Sở Giáo dục và Đào tạo về tăng cường công tác quản lý và nâng cao đạo đức nhà giáo. Chỉ thị số: 1737/CT-BGDĐT ngày 07/5/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về tăng cường công tác quản lý và nâng cao đạo đức nhà giáo.

trong quan hệ xã hội, trong giao tiếp với đồng nghiệp, với người học, giải quyết công việc khách quan, tận tình, chu đáo.

Đa số thầy, cô giáo, cán bộ, công nhân viên chức tâm huyết với nghề nghiệp, tận tụy với công việc; có ý thức giữ gìn danh dự, lương tâm nhà giáo. Có tinh thần đoàn kết, thương yêu, giúp đỡ đồng nghiệp, học sinh trong cuộc sống và trong công việc. Có lòng nhân ái, bao dung, độ lượng, đối xử hoà nhã với người học, sẵn sàng giúp đỡ, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của người học, đồng nghiệp và cộng đồng. Quan hệ, ứng xử đúng mực, gần gũi với nhân dân, phụ huynh học sinh.

Công bằng trong giảng dạy và giáo dục, đánh giá đúng thực chất năng lực của người học; thực hành tiết kiệm, chống bệnh thành tích, chống tham nhũng, lãng phí. Thực hiện phê bình và tự phê bình thường xuyên, nghiêm túc; thường xuyên học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Rất nhiều trường đã lắp đặt hệ thống camera để giám sát các hoạt động giáo dục trong nhà trường, qua đó giúp nhà trường chủ động trong việc thực hiện nghiêm các quy định về đạo đức nhà giáo, tuyệt đối không để xảy ra tình trạng bạo hành thể chất, tinh thần học sinh.

b) Tồn tại và hạn chế

Việc triển khai các văn bản quy phạm pháp luật về đạo đức nhà giáo, các văn bản hướng dẫn của ngành ở một số cơ sở giáo dục còn chậm, chưa kịp thời đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường nên vẫn còn xảy ra một vài trường hợp cán bộ, giáo viên, nhân viên vi phạm đạo đức nhà giáo.

Một số cán bộ quản lý ở các cơ sở giáo dục còn mang tính chủ quan, chú trọng nhiều đến việc dạy kiến thức, chưa chú trọng nhiều đến việc thường xuyên tuyên truyền, xây dựng kế hoạch chỉ đạo đội ngũ nhà giáo, nhân viên thực hiện nghiêm quy định về chấp hành tốt đạo đức nhà giáo.

Một số công chức, viên chức và người lao động nhận thức chưa đầy đủ về trách nhiệm, quyền hạn trong thực thi nhiệm vụ nên vẫn còn vi phạm các quy định về đạo đức nhà giáo.

2. Nhiệm vụ trọng tâm trong thời gian tới

Trong những năm vừa qua, đội ngũ nhà giáo đã nhận thức rõ trách nhiệm của mình đối với sự nghiệp "trồng người", thể hiện sự tâm huyết với nghề nghiệp; tận tụy với công việc trên tinh thần luôn lấy người học làm trung tâm. Để phát huy tốt hơn nữa, không ngừng nâng cao phẩm chất đạo đức nhà giáo, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục, đào tạo hiện nay, cần làm tốt một số nội dung sau:

Một là, tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục tư tưởng chính trị, phẩm chất đạo đức, lối sống cho đội ngũ nhà giáo; gắn chặt hoạt động tuyên truyền, giáo

dục với các phong trào, cuộc vận động trong ngành giáo dục như "Dạy tốt, học tốt", "Nói không với tiêu cực trong thi cử và bệnh thành tích trong giáo dục"... và đẩy mạnh "Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh" thời kỳ mới.

Hai là, phát huy hơn nữa vai trò, trách nhiệm của cấp ủy các cấp, cơ quan liên quan về công tác giáo dục, đào tạo trong việc bồi dưỡng, nâng cao phẩm chất đạo đức nhà giáo, giải quyết những vướng mắc khó khăn của nhà giáo trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Cán bộ quản lý các cơ quan, đơn vị cần quan tâm hơn việc giúp đỡ, tạo mọi điều kiện cho nhà giáo phấn đấu, rèn luyện; xây dựng nhiều điển hình tiên tiến, gương "người tốt, việc tốt" trong rèn luyện phẩm chất đạo đức nghề nghiệp.

Song song với đó, cần nắm bắt, giải quyết tốt nguyện vọng và các lợi ích chính đáng, thiết thực của đội ngũ nhà giáo, kịp thời động viên họ yên tâm công tác, ra sức học tập, phấn đấu trau dồi hơn nữa chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp; thực hiện tốt chế độ ưu đãi, khen thưởng, đảm bảo điều kiện làm việc, sinh hoạt đối với nhà giáo một cách thực sự công khai, dân chủ, công bằng, kịp thời, chính xác. Đồng thời, đấu tranh kiên quyết với những biểu hiện tiêu cực, vi phạm đạo đức nghề nghiệp nhà giáo; lên án và khắc phục kịp thời mọi biểu hiện vi phạm trong thực hiện các chế độ, chính sách của Đảng, Nhà nước đối với nhà giáo.

Ba là, tập trung nhân lực, vật lực, xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục có đầy đủ phẩm chất, năng lực, vừa "hồng", vừa "chuyên", đáp ứng các tiêu chuẩn của nhà giáo được quy định tại Điều 67 Luật Giáo dục năm 2019, quy chế của các cơ sở giáo dục, đào tạo về phẩm chất đạo đức, chuyên môn của nhà giáo. Xây dựng kế hoạch Bồi dưỡng thường xuyên, tổ chức sinh hoạt chuyên đề về nâng cao đạo đức nghề nghiệp, đạo đức nhà giáo và việc áp dụng hiệu quả các phương pháp giáo dục tích cực trong nhà trường.

Bốn là, tổ chức đánh giá, rà soát, bố trí đội ngũ cán bộ, nhà giáo, nhân viên phù hợp với chuyên môn, năng lực cá nhân, đảm bảo trong cơ sở giáo dục không có cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên vi phạm đạo đức nhà giáo, vi phạm quy chế chuyên môn nghiệp vụ. Quan tâm và kịp thời nắm bắt, tháo gỡ khó khăn, tạo điều kiện giúp đỡ giáo viên, nhân viên ổn định đời sống, thực hiện tốt nhiệm vụ. Nêu cao tính kỷ luật, trách nhiệm nêu gương trong đội ngũ lãnh đạo trước tập thể giáo viên, nhân viên trong đơn vị.

CHUYÊN ĐỀ 3
KẾT QUẢ 10 NĂM ĐỔI MỚI CĂN BẢN, TOÀN DIỆN GIÁO DỤC
VÀ ĐÀO TẠO TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH - ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN
GIÁO DỤC TỈNH ĐỒNG THÁP ĐẾN NĂM 2030,
TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

PHẦN 1. KẾT QUẢ 10 NĂM ĐỔI MỚI CĂN BẢN, TOÀN DIỆN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

I. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước đối với đổi mới giáo dục và đào tạo

Cấp uỷ, uỷ ban nhân dân các cấp đưa các nhiệm vụ, mục tiêu phát triển giáo dục và đào tạo vào Nghị quyết Đại hội Đảng từng nhiệm kỳ, chương trình, kế hoạch công tác hằng năm để triển khai phù hợp với thực tế địa phương. Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh khoá XI ban hành Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 31/12/2021 về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tỉnh Đồng Tháp đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030. Việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh gắn với thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, XII về xây dựng Đảng trong ngành Giáo dục được triển khai nghiêm túc. **100%** các cơ sở giáo dục công lập có tổ chức cơ sở Đảng, tỷ lệ đảng viên trong ngành Giáo dục đạt **69,5%** (*chỉ tiêu năm 2025: 70%*).

Công tác quản lý ngành Giáo dục đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động thanh tra, kiểm tra nội bộ trường học; chấn chỉnh tình trạng lạm thu, dạy thêm, học thêm không đúng quy định. Việc thực hiện quy chế dân chủ ở các cơ sở giáo dục được quan tâm. Nhiều phong trào thi đua trong các cơ sở giáo dục được quan tâm phát động thực hiện có trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả và thiết thực, phù hợp với từng cấp học, bậc học. Công tác giáo dục đạo đức học sinh, sinh viên phòng, chống ma túy, phòng chống bạo lực học đường, quản lý và nâng cao chất lượng dạy và học có nhiều chuyển biến tích cực; chất lượng hoạt động của tổ chức Đoàn, Đội trong các cơ sở giáo dục ngày càng nâng lên.

2. Về đổi mới đồng bộ các yếu tố cơ bản của giáo dục, đào tạo theo hướng coi trọng phát triển phẩm chất, năng lực của người học

- **100%** địa phương cấp xã, cấp huyện đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2; phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3, phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 2.

- Giáo dục mầm non được đổi mới theo hướng hiện đại. Các cơ sở giáo dục mầm non chú trọng xây dựng môi trường học tập phát triển khả năng tư duy, sáng

tạo của trẻ theo phương châm “*chơi mà học, học mà chơi*”. Các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non được đổi mới, chất lượng nâng cao rõ rệt. Hệ thống trường học được quan tâm đầu tư.

- Giáo dục phổ thông: Chất lượng giáo dục từng bước được nâng lên, mạng lưới trường, lớp phát triển rộng khắp, tất cả các xã đều có trường tiểu học, trường trung học cơ sở, **100%** huyện, thành phố có trường trung học phổ thông. Chương trình giảng dạy được đổi mới theo lộ trình thay sách giáo khoa, kích thích phát triển tư duy của học sinh gắn với cập nhật kiến thức mới phù hợp với thực tiễn.

- Tỉnh đã sắp xếp lại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn theo hướng phát huy thế mạnh của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc ngành Lao động - Thương binh và Xã hội, các cơ sở giáo dục thường xuyên thuộc ngành Giáo dục. Các trường cao đẳng nghề, trung cấp nghề, trung tâm dạy nghề, trung tâm giáo dục thường xuyên các huyện, thành phố triển khai thực hiện tốt nội dung, chương trình đề ra.

- Giáo dục đại học bám sát nội dung, chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo cho từng ngành đào tạo, có tham khảo giáo trình của các trường có thương hiệu trong và ngoài nước; có sự tham gia của các nhà khoa học chuyên môn, giảng viên, cán bộ quản lý, đại diện của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, nhà tuyển dụng lao động và người đã tốt nghiệp.

3. Về đổi mới căn bản hình thức và phương pháp thi, kiểm tra và đánh giá kết quả giáo dục, đào tạo, bảo đảm trung thực khách quan

Triển khai thực hiện tốt quy định, quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đánh giá học sinh cấp tiểu học, xếp loại học sinh cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông. Công tác kiểm tra học kỳ, xét và tuyển sinh đầu cấp, thi học sinh giỏi các cấp, thi trung học phổ thông quốc gia, ra đề kiểm tra, sao in và bàn giao đề kiểm tra cấp chứng chỉ tin học, ngoại ngữ các cấp độ... an toàn, đúng kế hoạch. Đổi mới phương thức tuyển sinh vào lớp 10 theo hướng xét tuyển dựa trên kết quả học tập các năm học cấp trung học cơ sở thay cho thi tuyển, qua đó giảm tốn kém cho xã hội, giảm áp lực đi lại cho thí sinh và được nhân dân đồng tình, đánh giá cao. Công tác quản lý văn bằng, chứng chỉ đúng theo quy định hiện hành; quản lý và làm thủ tục chuyển trường, tiếp nhận học sinh trung học phổ thông bảo đảm quy trình ISO.

Công tác kiểm định chất lượng giáo dục tiếp tục được đẩy mạnh. Các quy trình kiểm định chất lượng (*tự đánh giá, đánh giá sơ bộ, đánh giá ngoài*) đối với các cơ sở giáo dục được thực hiện nghiêm túc, nề nếp, tạo chuyển biến tốt trong việc quản lý, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo

4. Về hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân theo hướng hệ thống giáo dục mở, học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập

Mạng lưới trường, lớp tiếp tục được rà soát, điều chỉnh phù hợp. Công tác xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia được quan tâm và tập trung thực hiện, trang thiết bị dạy học tiếp tục được đầu tư theo hướng hiện đại, cơ bản đáp ứng yêu cầu đổi mới dạy học. Công tác phân luồng và hướng nghiệp cho học sinh phổ thông được đẩy mạnh thông qua các hình thức tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân về giáo dục nghề nghiệp, đổi mới công tác giáo dục và tư vấn hướng nghiệp trong nhà trường phổ thông, mở rộng quy mô cơ sở giáo dục nghề nghiệp ở những vùng khó khăn, tái cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân, hỗ trợ tài chính cho học sinh nghèo và những cơ sở đào tạo tuyển học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở... để học nghề hoặc trung cấp chuyên nghiệp. Công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập được triển khai thực hiện sâu rộng từ Tỉnh đến cơ sở. Nhiều mô hình, phong trào khuyến học được quan tâm phát triển như: Gia đình học tập, dòng họ học tập, cộng đồng học tập, đơn vị học tập... gắn với vận động thành lập quỹ khuyến học, tặng quà và học bổng cho học sinh giỏi có hoàn cảnh khó khăn. Thành phố Sa Đéc và thành phố Cao Lãnh được UNESCO công nhận là thành viên của Mạng lưới thành phố học tập toàn cầu, hiện thành phố Hồng Ngự đang hoàn thiện thủ tục đăng ký thành viên của Mạng lưới thành phố học tập toàn cầu.

5. Về đổi mới căn bản công tác quản lý giáo dục, đào tạo, bảo đảm dân chủ, thống nhất; tăng quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội của các cơ sở giáo dục, đào tạo; coi trọng quản lý chất lượng

Tổ chức thực hiện tốt quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế, tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập, quy định trách nhiệm quản lý Nhà nước về giáo dục. Các cơ sở giáo dục thực hiện nghiêm quy chế công khai trong các hoạt động; tăng quyền tự chủ, phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cơ sở giáo dục, đào tạo trong quản lý, điều hành thực hiện nhiệm vụ.

Chi đạo đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và giảng dạy; chế độ thông tin, báo cáo trong hệ thống ngành được thực hiện qua hệ thống website nội bộ, bảo đảm kịp thời và hiệu quả. Công tác phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội được tăng cường qua ứng dụng dịch vụ nhắn tin báo điểm, thông tin số liên lạc điện tử, thư điện tử... sử dụng hệ thống cổng thông tin điện tử, website nội bộ để thông tin và thực hiện chế độ báo cáo theo đúng quy định; sử dụng, điều hành hiệu quả hệ thống phần mềm quản lý trường học trực tuyến (*Vnedu, VietSchool*) ở các trường.

6. Về phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo

Đội ngũ làm công tác quản lý giáo dục được củng cố, kiện toàn và tinh giản theo chủ trương chung, song vẫn bảo đảm đồng bộ về cơ cấu, chuẩn hóa về trình độ đào

tạo, đáp ứng được yêu cầu đổi mới công tác quản lý giáo dục. Việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức gắn với quy hoạch của từng đơn vị được quan tâm, thông qua liên kết với các cơ sở đào tạo đại học, quản lý cán bộ chuyên nghiệp trong và ngoài tỉnh để tổ chức các lớp chuẩn hóa cho giáo viên chưa đạt chuẩn, bồi dưỡng theo các chuyên đề, khuyến khích giáo viên tự học và giao việc. Qua đó, trình độ đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và người lao động ngành giáo dục ngày càng nâng lên, vượt trình độ đào tạo đến năm 2025 theo quy định tại Luật Giáo dục 2019.

7. Về đổi mới chính sách, cơ chế tài chính, huy động sự tham gia đóng góp của xã hội; nâng cao hiệu quả đầu tư để phát triển giáo dục và đào tạo

Tinh tập trung nguồn lực tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học để thực hiện tốt các chỉ tiêu chủ yếu về giáo dục; đồng thời quy hoạch đủ quỹ đất cho các cơ sở giáo dục và đào tạo theo hướng đạt chuẩn quốc gia, xây dựng trường chuẩn quốc gia các bậc học; kêu gọi các nhà đầu tư quan tâm đến lĩnh vực giáo dục. Ngân sách chi cho giáo dục tăng hằng năm.

Chính sách hỗ trợ giáo dục được triển khai thực hiện đầy đủ và kịp thời đối với học sinh thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo giúp học sinh giảm bớt khó khăn, an tâm học tập. Các đơn vị sự nghiệp công lập trong ngành Giáo dục ngoài thực hiện quyền tự chủ về biên chế, còn tự chủ về tài chính, chủ động cân đối nguồn tài chính của đơn vị để quản lý, chi tiêu đúng mục đích và có hiệu quả. Chế độ, chính sách đối với nhà giáo, cán bộ quản lý và người lao động được thực hiện đầy đủ, kịp thời theo quy định.

Công tác xã hội hoá giáo dục; xây dựng cơ sở vật chất được cấp uỷ, chính quyền các cấp quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo. Các cơ sở giáo dục đã làm tốt công tác xã hội hóa giáo dục, tạo được sự đồng thuận, hưởng ứng tích cực của các ban, ngành, các tổ chức chính trị - xã hội, nhà hảo tâm và phụ huynh học sinh.

8. Về nâng cao chất lượng, hiệu quả nghiên cứu và ứng dụng khoa học, công nghệ, đặc biệt là khoa học giáo dục và khoa học quản lý

Tập trung chỉ đạo các trường tăng cường nghiên cứu khoa học gắn với dạy học trong nhà trường, đổi mới phương pháp và tổ chức hoạt động dạy học, triển khai thí điểm giáo dục trang bị cho người học những kỹ năng liên quan đến khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán học (*STEM*). Bên cạnh việc thực hiện đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp dạy học, các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chú trọng đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học, gắn liền hoạt động giáo dục và đào tạo của nhà trường với thực tiễn của xã hội nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.

9. Về chủ động hội nhập và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế trong giáo dục, đào tạo

Quan tâm mở rộng quy mô các trường phổ thông có giáo viên người nước ngoài dạy ngoại ngữ. Việc liên kết và hợp tác với các cơ sở giáo dục ngoài nước nhằm tư vấn, tuyển sinh, tổ chức du học, tiếp nhận sinh viên nước ngoài đến học tập, tiếp nhận tình nguyện viên người nước ngoài trợ giảng ngoại ngữ đạt kết quả tích cực.

II. HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Hạn chế

- Một số cấp ủy, chính quyền chưa quan tâm đúng mức đến công tác đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo, còn xem đây là nhiệm vụ chuyên môn của ngành giáo dục; công tác tổ chức tuyên truyền, kiểm tra, giám sát, sơ kết và rút kinh nghiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW có nơi thực hiện chưa tốt; chất lượng giáo dục toàn diện có sự chênh lệch giữa các địa bàn trong Tỉnh; phân luồng học sinh sau tốt nghiệp trung học cơ sở còn chậm. Quy mô giáo dục đại học và cao đẳng có xu thế giảm. Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo chưa phong phú về hình thức, nội dung, số lượng và chất lượng.

- Tình trạng bạo lực học đường, dạy thêm, học thêm sai quy định còn xảy ra. Vẫn còn tình trạng thừa, thiếu giáo viên cục bộ ở các ngành học, cấp học. Năng lực của một bộ phận nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu. Cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học tuy được tập trung đầu tư nhưng chỉ đáp ứng yêu cầu cơ bản việc dạy học, chưa đáp ứng tiêu chuẩn trường đạt chuẩn quốc gia mới.

- Công tác huy động các nguồn lực xã hội đầu tư cho giáo dục và đào tạo chưa cao, hệ thống các trường tư thục trên địa bàn còn ít. Công tác nghiên cứu khoa học chưa trở thành việc làm thường xuyên (*chủ yếu giáo viên thực hiện sáng kiến kinh nghiệm để xếp loại viên chức, xét thi đua khen thưởng cuối năm*).

2. Nguyên nhân hạn chế

a) Nguyên nhân khách quan

Do vị trí địa lý của Tỉnh có đặc trưng nhiều sông nước kênh rạch, hệ đất nền yếu nên việc kiên cố trường, lớp đòi hỏi mức đầu tư cao. Nguồn lực phát triển của địa phương còn hạn chế.

Tâm lý sinh bằng cấp trong bộ phận phụ huynh và học sinh tác động đến công tác phân luồng học nghề, tác động đến quy mô giáo dục nghề nghiệp, giáo dục cao đẳng, đại học. Việc tuyển dụng giáo viên các môn tiếng Anh, Tin học và năng khiếu gặp khó khăn vì có nhiều cơ hội tìm việc làm khác với mức thu nhập cao hơn dạy học.

b) Nguyên nhân chủ quan

Một số cấp ủy, chính quyền chưa nhận thức đầy đủ về tầm quan trọng của việc đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo.

Sự phối hợp giữa nhà trường, gia đình và các tổ chức, đoàn thể, chính quyền địa phương trong việc quản lý và giáo dục toàn diện học sinh, sinh viên có lúc chưa chặt chẽ, đồng bộ; một số gia đình có tư tưởng phó thác việc giáo dục, dạy dỗ con cái cho các cơ sở giáo dục.

Một số ít cán bộ quản lý còn ngại khó, chưa năng động, sáng tạo trong đổi mới điều hành, quản lý. Còn bộ phận giáo viên chậm bắt nhịp với yêu cầu đổi mới trong phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá.

III. PHƯƠNG HƯỚNG THỜI GIAN TỚI

1. Tiếp tục quán triệt, thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, Chương trình hành động số 188-CTr/TU ngày 28/12/2013 của Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW; tạo sự chuyên biến rõ nét hơn về nhận thức và hành động trong đội ngũ cán bộ, đảng viên, giảng viên, giáo viên và sự đồng thuận của xã hội; lồng ghép nhiệm vụ đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục vào định hướng phát triển kinh tế - xã hội từ tỉnh đến cơ sở.

2. Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng và hiệu quả các hoạt động giáo dục và đào tạo theo tinh thần của Nghị quyết số 29-NQ/TW, trong đó chú trọng giáo dục đạo đức, kỹ năng sống, kiến thức quốc phòng, an ninh và hướng nghiệp cho học sinh, sinh viên; đổi mới phương pháp dạy và học, phương pháp thi, kiểm tra, đánh giá kết quả; tăng cường công tác kiểm định chất lượng giáo dục; tiếp tục đẩy mạnh công tác hướng nghiệp và phân luồng học sinh sau tốt nghiệp trung học cơ sở. Đẩy mạnh chuyển đổi số, tổ chức quản lý nhà trường trên môi trường số; triển khai các hoạt động dạy học, giáo dục, kiểm tra đánh giá dựa trên công nghệ số. Xây dựng nguồn tài nguyên giáo dục, kho học liệu mở, bài giảng điện tử, ngân hàng đề thi... để bổ sung, chia sẻ, sử dụng hiệu quả.

3. Tăng cường xã hội hoá giáo dục, phát triển hệ thống cơ sở giáo dục tư thục; tạo môi trường cạnh tranh công bằng, bình đẳng, minh bạch; thực hiện ưu đãi, thu hút đầu tư vào lĩnh vực giáo dục. Phát triển chương trình giáo dục chất lượng cao đáp ứng nhu cầu xã hội. Xây dựng cơ sở vật chất theo kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025, trong đó ưu tiên đầu tư cơ sở vật chất cho các cơ sở giáo dục trong danh mục xã nông thôn mới, đạt chuẩn quốc gia.

4. Tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống; chú trọng rèn luyện phẩm chất đạo đức, ý thức trách nhiệm; nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị, năng lực tin học, ngoại ngữ cho cán bộ quản lý, nhà giáo. Thường xuyên rà soát, đánh giá phân loại, sàng lọc đội ngũ; tổ chức tạo nguồn, đào tạo lại, bố trí đủ giáo viên cho từng cấp học với cơ cấu môn học hợp lý;

rà soát và từng bước sắp xếp, cơ cấu lại đội ngũ đảm bảo hợp lý, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo, việc đổi mới sách giáo khoa phổ thông.

5. Quy hoạch, sắp xếp các cơ sở giáo dục và đào tạo, giáo dục nghề nghiệp. Tập trung hoàn thiện hệ thống cơ sở giáo dục bảo đảm phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội. Phát triển giáo dục nghề nghiệp theo hướng mở và linh hoạt. Nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp về quy mô, chương trình đào tạo, điều kiện cơ sở vật chất và đội ngũ giáo viên, giảng viên đáp ứng nhu cầu thị trường lao động. Tăng cường liên kết với doanh nghiệp trong đào tạo và tuyển dụng lao động sau đào tạo, hình thành mạng lưới liên kết phối hợp giữa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp.

6. Triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách về giáo dục và đào tạo; thực hiện bình đẳng về cơ hội học tập cho người học. Nghiên cứu ban hành một số chính sách về hỗ trợ cho học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn tiếp tục học tập; khuyến khích đào tạo, bồi dưỡng, thu hút và sử dụng nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ cho phát triển giáo dục và đào tạo. Thiết lập, củng cố quan hệ hợp tác về giáo dục và đào tạo với các địa phương nước ngoài kết nghĩa, hợp tác với tỉnh Đồng Tháp. Tăng cường học tập các mô hình giáo dục và đào tạo của các nước có nền giáo dục tiên tiến. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước thành lập, liên doanh, liên kết đầu tư cơ sở vật chất, liên kết đào tạo, chuyển giao công nghệ cho các cơ sở giáo dục ở các ngành học, cấp học.

PHẦN 2. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC TỈNH ĐỒNG THÁP ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

I. MỘT SỐ KẾT QUẢ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC TỈNH ĐỒNG THÁP ĐẾN CUỐI NĂM HỌC 2023 - 2024

1. Quy mô phát triển

1.1. Ngành học mầm non

Đầu năm học 2023 - 2024, toàn tỉnh có **174** cơ sở giáo dục mầm non công lập; **1.800** nhóm/lớp (*giảm 23 nhóm/lớp, 1,26% so với cùng kỳ năm trước*); **52.804** học sinh (*giảm 841 cháu, 1,57% so với cùng kỳ năm trước*).

Quy mô cơ sở giáo dục mầm non: **10,34** lớp/cơ sở (*cùng kỳ năm trước: 10,48*), tỷ lệ của khu vực Đồng bằng sông Cửu Long: **10,29**, cả nước: **13,64**.

Bình quân học sinh/nhóm/lớp: **29,34** em/lớp (*cùng kỳ năm trước: 29,43*), tỷ lệ của khu vực Đồng bằng sông Cửu Long: **27,46**, cả nước: **24,60**.

1.2. Ngành học phổ thông

a) Cấp tiểu học

Đầu năm học 2023 - 2024, toàn tỉnh có **236** cơ sở giáo dục tiểu học công lập (*giảm 04 cơ sở, 1,67% so với cùng kỳ năm trước*); **4.544** lớp (*giảm 215 lớp, 4,52% so với cùng kỳ năm trước*); **127.054** học sinh (*giảm 7.099 em, 5,29%*).

Quy mô cơ sở giáo dục tiểu học: **19,25** lớp/cơ sở (*cùng kỳ năm trước: 19,83*), tỷ lệ của khu vực Đồng bằng sông Cửu Long: **19,57**, cả nước: **19,31**.

Bình quân học sinh/lớp: **27,96** em/lớp (*cùng kỳ năm trước: 28,32*), tỷ lệ của khu vực đồng bằng sông Cửu Long: **29,42**, cả nước: **31,67**.

b) Cấp trung học cơ sở

Đầu năm học 2023 - 2024, toàn tỉnh có **133** cơ sở giáo dục trung học cơ sở công lập; **2.582** lớp (*tăng 58 lớp, 2,30% so với cùng kỳ năm trước*); **102.588** học sinh (*tăng 4.058 em, 4,12% so với cùng kỳ năm trước*).

Quy mô cơ sở giáo dục trung học cơ sở: **18,55** lớp/cơ sở (*cùng kỳ năm trước: 18,13*), tỷ lệ của khu vực Đồng bằng sông Cửu Long: **16,27**, cả nước: **14,84**.

Bình quân học sinh/lớp: **39,73** em/lớp (*cùng kỳ năm trước: 39,00*), tỷ lệ của khu vực Đồng bằng sông Cửu Long: **40,46**, cả nước: **38,78**.

c) Cấp trung học phổ thông

Đầu năm học 2023 - 2024, toàn tỉnh có **42** cơ sở giáo dục trung học cơ sở công lập *giảm 01 cơ sở, 2,33% so với cùng kỳ năm trước*); **1.152** lớp (*tăng 27 lớp, 2,40% so với cùng kỳ năm trước*); **45.871** học sinh (*tăng 1.540 em, 3,47% so với cùng kỳ năm trước*).

Quy mô cơ sở giáo dục trung học phổ thông: **27,43** lớp/cơ sở (*cùng kỳ năm trước: 26,16*), tỷ lệ của khu vực Đồng bằng sông Cửu Long: **23,95**, cả nước: **24,77**.

Bình quân học sinh/lớp: **39,82** em/lớp (*cùng kỳ năm trước: 39,41*), tỷ lệ của khu vực Đồng bằng sông Cửu Long: **40,71**, cả nước: **40,38**.

d) Tỷ lệ học sinh cấp trung học phổ thông/tổng số học sinh phổ thông: Tỉnh Đồng Tháp: **16,65%**; khu vực Đồng bằng sông Cửu Long: **16,03%**; cả nước: **16,21%**.

1.3. Ngành học giáo dục thường xuyên

Đầu năm học 2023 - 2024, toàn tỉnh có **02** cơ sở giáo dục thường xuyên, **17** trường trung học phổ thông có hệ giáo dục thường xuyên; **200** lớp (*tăng 23 lớp, 12,99%*), **8.231** học viên (*tăng 1.443 học viên, 21,26%*).

Bình quân học viên/lớp: **41,16** em/lớp (*cùng kỳ năm trước: 38,35*), tỷ lệ của khu vực Đồng bằng sông Cửu Long: **35,62**.

2. Một số số liệu về chất lượng giáo dục

2.1. Ngành học mầm non

a) Tỷ lệ huy động

- Nhà trẻ: **36,09%**; khu vực Đồng bằng sông Cửu Long: **29,3%**; cả nước: **34,6%**.

- Mẫu giáo: **95,97%**; khu vực Đồng bằng sông Cửu Long: **93,6%**; cả nước: **88,1%**.

b) Trẻ mẫu giáo học 02 buổi/ngày

Tỉnh Đồng Tháp: **99,87%**; khu vực Đồng bằng sông Cửu Long: **95,2%**; cả nước: **99,2%**.

c) Trẻ mẫu giáo được tổ chức ăn bán trú

Tỉnh Đồng Tháp: **88,99%**; khu vực Đồng bằng sông Cửu Long: **77,3%**; cả nước: **94,9%**.

d) Trường mầm non đạt chuẩn quốc gia

Tỉnh Đồng Tháp: **71,26%**; khu vực Đồng bằng sông Cửu Long: **59,7%**; cả nước: **59,8%**.

đ) Cán bộ quản lý và giáo viên đạt trình độ đào tạo chuẩn theo quy định của Luật Giáo dục 2019

Đạt chuẩn trở lên, tỉnh Đồng Tháp đạt: **98,79%**; khu vực Đồng bằng sông Cửu Long: **93,7%**; cả nước: **91,3%**.

Trên chuẩn tỉnh Đồng Tháp đạt: **92,30%**; khu vực Đồng bằng sông Cửu Long: **74,0%**; cả nước: **67,6%**.

2.2. Ngành học phổ thông

a) Cấp tiểu học

Tỷ lệ huy động học sinh nhập học đúng độ tuổi: **99,99%**; cả nước: **99,7%**.

Tỷ lệ học hoàn thành chương trình cấp tiểu học: **99,99%**; cả nước: **98,17%**.

Trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia, tỉnh Đồng Tháp: **62,71%**; khu vực Đồng bằng sông Cửu Long: **67,75%**; cả nước: **62,4%**.

Cán bộ quản lý và giáo viên đạt trình độ đào tạo chuẩn theo quy định của Luật Giáo dục 2019:

- Đạt chuẩn trở lên, tỉnh Đồng Tháp đạt: **93,48%**; khu vực Đồng bằng sông Cửu Long: **88,40%**; cả nước: **86,16%**.

- Trên chuẩn tỉnh Đồng Tháp đạt: **1,30%**; khu vực Đồng bằng sông Cửu Long: **0,37%**; cả nước: **0,71%**.

b) Cấp trung học

Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia:

- Cấp trung học cơ sở, tỉnh Đồng Tháp: **66,92%**; khu vực Đồng bằng sông Cửu Long: **66,40%**; cả nước: **57,4%**.

- Cấp trung học phổ thông: tỉnh Đồng Tháp: **73,81%**; khu vực Đồng bằng sông Cửu Long: **54,73%**; cả nước: **36,8%**.

Kết quả thi chọn học sinh giỏi quốc gia cấp trung học phổ thông năm 2024 cao hơn năm 2023 (*năm 2023 đạt 16 giải: 02 giải II, 06 giải III và 11 giải khuyến khích; năm 2024 đạt 26 giải: 02 giải II, 12 giải III và 12 giải khuyến khích*).

Kết quả thi tốt nghiệp trung học phổ thông:

- Điểm trung bình các môn thi của thí sinh tỉnh Đồng Tháp: **6,698** (*năm 2023: 6,491*). Điểm trung bình các môn thi của thí sinh khu vực Đồng bằng sông Cửu Long: **6,693** (*năm 2022: 6,464*), của thí sinh cả nước: **6,682** (*năm 2023: 6,462*)

Một số thành tích đặc biệt:

+ **01** thí sinh đạt điểm **10** môn Ngữ văn.

+ **01** thí sinh điểm cao thứ **2** toàn quốc khối **D1**.

3. Kết quả tham gia Hội khoẻ Phù Đổng toàn quốc lần thứ X năm 2024

Xếp thứ **1/13** địa phương khu vực Đồng bằng sông Cửu Long và thứ **4/63** địa phương cả nước sau Thành phố Hồ Chí Minh, Thủ đô Hà Nội và địa phương đăng cai Thành phố Hải Phòng.

II. SỰ CẦN THIẾT PHẢI XÂY DỰNG ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC TỈNH ĐỒNG THÁP ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

1. Kế thừa những thành tựu đạt được, khắc phục những hạn chế, tồn tại trong phát triển giáo dục tỉnh Đồng Tháp đến năm 2025.

2. Triển khai thực hiện

- Tiếp tục thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo theo tinh thần Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI *"Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế"*.

- Thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp về lĩnh vực giáo dục theo Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng lần thứ XIII và các Đại hội Đảng toàn quốc tiếp theo đến năm 2045; thực hiện "Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045" của Trung ương. Tiếp tục thực hiện triển khai đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông theo Nghị quyết của Quốc hội năm học 2024 - 2025...

- Thực hiện các nhiệm vụ về giáo dục của Tỉnh: Các nhiệm vụ và giải pháp về lĩnh vực giáo dục theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Tỉnh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 - 2025 và các Đại hội Đảng bộ Tỉnh tiếp theo đến năm 2045; triển khai thực hiện quy hoạch lĩnh vực giáo dục theo quy hoạch tổng thể tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số: 39/QĐ-TTg ngày 11/01/2024. Đồng thời, gắn phát triển giáo dục với thực hiện các Nghị quyết, Chương trình, Đề án, Kế hoạch,... của Tỉnh.

3. Từ các cơ sở trên, việc xây dựng định hướng phát triển giáo dục tỉnh Đồng Tháp đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 là cần thiết để:

- Khắc phục những hạn chế, bất cập trong phát triển giáo dục trong giai đoạn đến năm 2024, tạo tiền đề triển khai thực hiện các bước đột phá để phát triển giáo dục Tỉnh nhà, góp phần đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế của Tỉnh.

- Định hướng cho các cấp ủy đảng, chính quyền và các ngành, các cấp trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ quan trọng về giáo dục đến năm 2030 và 2045, góp phần phát triển kinh tế - xã hội địa phương trong từng giai đoạn trung hạn 05 năm.

III. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC TỈNH ĐỒNG THÁP ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

1. Quan điểm phát triển

- Phát triển giáo dục là quốc sách hàng đầu. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước và nâng cao vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân trong phát triển giáo dục. Đầu tư cho giáo dục là đầu tư cho phát triển, tạo điều kiện cho giáo dục đi trước và phục vụ đắc lực sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; tập trung vào đầu tư phát triển con người, ưu tiên các đối tượng khó khăn, vùng khó khăn và các đối tượng có tiềm năng phát triển cao. Đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục để huy động mọi nguồn lực đầu tư phát triển giáo dục.

- Đầu tư phát triển giáo dục Đồng Tháp theo hướng toàn diện và vững chắc, thực hiện tốt mục tiêu nâng cao dân trí, tinh thần hiếu học của người dân, chỉ số phát triển con người (*HDI*) về giáo dục, đào tạo nhân lực và bồi dưỡng nhân tài đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh; đảm bảo các điều kiện dạy và học theo chuẩn mới cả về số lượng và chất lượng bao gồm đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ và chuyển đổi số trong dạy học nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

- Phát triển giáo dục theo hướng mở, liên thông, chuẩn hóa, hiện đại hóa, dân chủ hóa, xã hội hóa và hội nhập quốc tế, tập trung nâng cao chất lượng, đặc biệt chất lượng giáo dục đạo đức, thể lực, kỹ năng sống, năng lực sáng tạo, kỹ năng

thực hành, ngoại ngữ và tin học; tăng cường cung ứng dịch vụ giáo dục có chất lượng, đáp ứng nhu cầu học tập của người dân, bảo đảm công bằng trên cơ sở phát huy tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các cơ sở giáo dục. Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo từng bước hội nhập quốc tế, hướng tới phát triển bền vững, cân đối với số lượng, chất lượng, bảo đảm công bằng, bình đẳng trong tiếp cận giáo dục. Phát triển giáo dục hướng đến người học làm chủ công nghệ, có kiến thức, kỹ năng cơ bản để hội nhập quốc tế.

2. Mục tiêu, chỉ tiêu

2.1. Mục tiêu tổng quát

Trong giai đoạn từ nay đến năm 2030 và 2045, phát triển toàn diện giáo dục tỉnh Đồng Tháp theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa, dân chủ hóa, hội nhập quốc tế; chất lượng giáo dục được nâng cao một cách toàn diện về đạo đức, thể lực, kỹ năng sống, tư duy sáng tạo, kỹ năng thực hành, năng lực ngoại ngữ và tin học; bảo đảm công bằng xã hội trong tiếp cận giáo dục và cơ hội học tập suốt đời cho mỗi người dân, xây dựng xã hội học tập; xây dựng nền tảng nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao phục vụ nhu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển kinh tế - xã hội, phát triển bền vững của Tỉnh và khu vực Đồng bằng sông Cửu Long.

Đến năm 2030, chất lượng giáo dục dẫn đầu khu vực Đồng bằng sông Cửu Long và phấn đấu duy trì trong nhóm 15 tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước; hướng đến việc đạt chuẩn hiện đại và tiệm cận trình độ tiên tiến của khu vực ASEAN và thế giới.

Đến năm 2045, giáo dục tỉnh Đồng Tháp tiếp tục duy trì vững chắc về chất lượng trong nhóm 15 tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước, đạt chuẩn hiện đại, tiệm cận trình độ tiên tiến của khu vực ASEAN và thế giới.

2.2. Chỉ tiêu cụ thể đến năm 2030

Các chỉ tiêu phát triển giáo dục đến năm 2030 dự kiến phân thành 02 nhóm: nhóm các chỉ tiêu theo quy định của Trung ương và nhóm các chỉ tiêu đặc trưng của Tỉnh.

a) Các chỉ tiêu cơ bản theo quy định của Trung ương

- *Giáo dục mầm non*

Tỷ lệ huy động trẻ mầm non ra lớp: **75%**.

Tỷ lệ huy động nhà trẻ: **40%**.

Tỷ lệ huy động mẫu giáo 03 - 05 tuổi: **97%**.

Giáo viên bình quân trên nhóm, lớp: Thực hiện theo quy định của Trung ương.

Giáo viên mầm non có trình độ được đào tạo chuẩn: **100%** đạt và vượt theo quy định của Trung ương.

Trường mầm non đạt chuẩn quốc gia: **75%**.

Tỷ lệ trẻ 05 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non: **99,3%**.

Tỷ lệ trẻ mầm non suy dinh dưỡng: Giảm so với năm 2025.

- Giáo dục tiểu học

Tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi cấp tiểu học: **99,5%**.

Tỷ lệ trẻ 06 tuổi vào lớp 1: **99,8%**.

Giáo viên cấp tiểu học có trình độ được đào tạo chuẩn: 100% đạt và vượt theo quy định của Trung ương.

Trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia: **75%**.

Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình cấp tiểu học: **99,5%**.

- Giáo dục trung học cơ sở

Tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi cấp trung học cơ sở: **95%**.

Tỷ lệ chuyển cấp từ tiểu học lên trung học cơ sở: **99,5%**.

Tỷ lệ học sinh trung học cơ sở bỏ học: **0,5%**.

Giáo viên cấp trung học cơ sở có trình độ được đào tạo chuẩn: **100%** đạt và vượt theo quy định của Trung ương.

Trường trung học cơ sở đạt chuẩn quốc gia: **80%**.

Tỷ lệ học sinh hoàn thành cấp trung học cơ sở: **99%**.

- Giáo dục trung học phổ thông

Tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi cấp trung học phổ thông và tương đương: **75%**.

Tỷ lệ chuyển cấp từ trung học cơ sở lên trung học phổ thông: **95%**.

Tỷ lệ học sinh trung học cơ sở bỏ học: **0,8%**.

Trường trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia: **90%**.

Tỷ lệ học sinh hoàn thành cấp trung học phổ thông: **97%**.

- Giáo dục thường xuyên

Tỷ lệ người trong độ tuổi từ 15 trở lên biết chữ: **98%**.

Số huyện, thành phố đạt chuẩn được công nhận huyện, thành phố học tập của Việt Nam: **05**.

- Tỷ lệ cơ sở giáo dục đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức tối thiểu trở lên theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo: **100%**; trong đó, có ít nhất **50%** cơ sở giáo dục đạt mức **1** và mức **2**.

- Thực hiện an sinh xã hội trong giáo dục

Tỷ lệ học sinh diện chính sách được miễn, giảm học phí và được hỗ trợ chi phí học tập: **100%**.

Tỷ lệ trẻ khuyết tật ở độ tuổi mầm non và phổ thông được tiếp cận giáo dục: **90%**.

Tỷ lệ các trường học có cơ sở hạ tầng và tài liệu phù hợp với học sinh khuyết tật: **60%**.

Tỷ lệ công trình trường học xây mới bảo đảm điều kiện tiếp cận đối với người khuyết tật: **100%**.

Tỷ lệ công trình trường học cũ bảo đảm điều kiện tiếp cận đối với người khuyết tật: **50%**.

Lưu ý: Trong trường hợp các chỉ tiêu của Trung ương đến năm 2030 có thay đổi, chỉ tiêu sẽ được điều chỉnh trong Kế hoạch phát triển giáo dục của tỉnh đến năm 2030.

b) Các chỉ tiêu đặc trưng của tỉnh Đồng Tháp

- Học sinh phổ thông giảm cấp tiểu học: dưới **0,15%**; cấp trung học cơ sở: dưới **2%**; cấp trung học phổ thông: dưới **1,75%**.

- Phổ cập giáo dục, xoá mù chữ

Phổ cập giáo dục: **100%** địa phương cấp xã, huyện duy trì chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ **05** tuổi; thực hiện phổ cập giáo dục mầm non theo lộ trình chung của Trung ương. **100%** xã, phường, thị trấn và **100%** huyện, thành phố duy trì chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ **3** với các tiêu chí thành phần cao hơn giai đoạn 2021 - 2025. **100%** xã, phường, thị trấn và **100%** huyện, thành phố đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ **3**. Tỉnh được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ **3**.

Xoá mù chữ: **100%** địa phương cấp xã, huyện đạt chuẩn xoá mù chữ mức độ **2** với các tiêu chí thành phần cao hơn giai đoạn 2021 - 2025. Tỉnh được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận đạt chuẩn xoá mù chữ mức độ **2**.

- Nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục có trình độ đào tạo trên chuẩn theo quy định của Luật Giáo dục 2019 ngành học mầm non: Ít nhất **80%**; cấp tiểu học: Ít nhất **2,0%**; cấp trung học cơ sở: Ít nhất **4%**; cấp trung học phổ thông: Ít nhất **25%**.

- Thi học sinh giỏi quốc gia và thi tốt nghiệp trung học phổ thông

Thi học sinh giỏi quốc gia hằng năm, xếp vững chắc trong nhóm 03 tỉnh dẫn đầu khu vực Đồng bằng sông Cửu Long; có học sinh đạt giải Nhất.

Điểm trung bình các môn thi tốt nghiệp trung học phổ thông trong nhóm **03** tỉnh dẫn đầu khu vực Đồng bằng sông Cửu Long và trong nhóm **15** tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước. Điểm trung bình môn ngoại ngữ trong kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2030 cao hơn mặt bằng chung cả nước.

- Thực hiện chuyển đổi số ngành giáo dục

Hoàn thiện nền tảng dạy và học trực tuyến tích hợp kho học liệu số hỗ trợ **100%** người học và giáo viên tham gia có hiệu quả các hoạt động giáo dục trực tuyến; đáp ứng tài liệu học tập cho toàn bộ Chương trình giáo dục phổ thông.

100% nguồn lực giáo dục, chương trình giáo dục và đối tượng giáo dục trong hệ thống giáo dục của tỉnh được quản lý trên môi trường số, kết nối thông suốt toàn ngành và liên thông với cơ sở dữ liệu, Trung tâm giám sát điều hành thông minh của tỉnh (*Intelligent Operation Center - IOC*).

Tỷ lệ các cơ sở giáo dục triển khai thực hiện hoạt động quản lý, giảng dạy và học tập trên môi trường mạng: Ít nhất **80%**. **100%** cơ sở giáo dục đạt "Mức độ 2" (*Mức đáp ứng cơ bản*), trong đó có ít nhất **50%** đạt "Mức độ 3" (*Mức đáp ứng tốt*) theo quy định tại Quyết định số: 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên.

- Tỷ lệ cán bộ quản lý, giáo viên và người lao động trong ngành giáo dục là đảng viên: **75%**.

- Quy hoạch số cơ sở giáo dục công lập/ địa phương cấp xã

Địa phương loại I (*theo phân loại đơn vị hành chính của cơ quan có thẩm quyền*), bố trí không quá **04** cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học và giáo dục trung học cơ sở công lập.

Địa phương loại II và III (*theo phân loại đơn vị hành chính của cơ quan có thẩm quyền*), bố trí không quá **03** cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học và giáo dục trung học cơ sở công lập.

- Giáo dục thể chất và phong trào thể thao học đường

Tỷ lệ học sinh phổ thông được đánh giá, xếp loại về thể lực theo quy định của Trung ương: **100%**.

Không có học sinh bị tai nạn đuối nước.

Xếp trong nhóm 10 địa phương dẫn đầu xếp hạng chung cuộc tại Hội khỏe Phù Đổng toàn quốc lần thứ XI năm 2028 với thành tích cao hơn lần thứ X năm 2024.

- Hằng năm, triển khai thực hiện hiệu quả ít nhất **01** giải pháp đổi mới về quản lý giáo dục trong phạm vi toàn tỉnh. Nâng mức tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập cao hơn so với năm 2025.

3. Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu

3.1. Nhóm nhiệm vụ và giải pháp đột phá, phát triển

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin; tăng cường chuyên đổi số và ứng dụng trí tuệ thông minh (AI) trong lĩnh vực giáo dục.

- Tạo chuyển biến căn bản, nâng cao chất lượng dạy học ngoại ngữ.

- Quy hoạch, phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục đáp ứng nhu cầu học tập đa dạng của người dân; phát huy lợi thế khu vực và liên kết vùng trong phát triển giáo dục.

3.2. Nhóm giải pháp trọng tâm phát triển

- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng; quản lý điều hành của chính quyền và đổi mới quản lý nhằm tạo đột phá trong đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.

- Nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; định hướng phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục kế cận, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực địa phương.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả mục tiêu giáo dục của từng ngành học, cấp học và nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học giáo dục.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động của các trường chuyên trên địa bàn.

- Nâng cao chất lượng giáo dục tư tưởng, đạo đức, lối sống và kỹ năng sống cho học sinh, học viên.

- Đổi mới cơ chế tài chính; tăng cường cơ sở vật chất cho phát triển giáo dục và thực hiện an sinh xã hội trong giáo dục.

- Nâng cao nhận thức của cộng đồng, xã hội và truyền thông về phát triển giáo dục.

- Tăng cường hội nhập quốc tế; đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục và xây dựng cơ chế phối hợp thực hiện các nhiệm vụ, chỉ tiêu về giáo dục.

NỘI DUNG GỢI Ý THẢO LUẬN
Bồi dưỡng chính trị, cập nhật kiến thức đối với ngành Giáo dục năm 2024
(Ngày 20 tháng 8 năm 2024)

Để giúp đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên nhận thức sâu sắc những chủ trương, nghị quyết của Đảng, nhiệm vụ trọng tâm của Tỉnh thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo, gắn với tình hình thực tế đã, đang diễn ra tại địa phương, đơn vị, Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ gợi ý một số vấn đề để các đồng chí tham gia thảo luận:

1. Thực trạng tình hình bạo lực học đường đã và đang diễn ra, đối tượng là học sinh, nhất là học sinh nữ? Nguyên nhân khác quan, chủ quan? Đề xuất các giải pháp chấn chỉnh, khắc phục tình trạng này trong thời gian tới? Nhất là vai trò, trách nhiệm của ngành giáo dục - đào tạo nói chung, của ban giám hiệu nhà trường, cán bộ quản lý và giáo viên chủ nhiệm lớp, giáo viên dạy lớp nói riêng trong giáo dục đạo đức, lối sống và cách thức ứng xử văn hoá cho các em?

2. Tâm lý tiêu cực trong học sinh ngày càng nhiều. Nguyên nhân dẫn đến tình trạng này? Công tác phát hiện, theo dõi và tư vấn tâm lý của nhà trường đối với các em được thực hiện như thế nào, nhằm giúp cho các em ổn định tâm lý và tiếp tục học tập?

3. Việc triển khai thực hiện quy tắc ứng xử, quy chế dân chủ trong nhà trường như thế nào? Kết quả đạt được? Tồn tại, hạn chế? Đề xuất giải pháp tiếp tục thực hiện nhiệm vụ này trong thời gian tới?

4. Quy định về đạo đức nhà giáo được triển khai thực hiện trong trường học như thế nào? Kết quả đạt được? Tồn tại, hạn chế? Đề xuất giải pháp tiếp tục thực hiện nhiệm vụ này trong thời gian tới?

5. Những tồn tại, hạn chế đối với ngành giáo dục - đào tạo tỉnh nhà? Đề xuất các giải pháp hiệu quả, đột phá để ngày càng nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo tỉnh Đồng Tháp?

6. Các vấn đề khác liên quan ngành giáo dục - đào tạo mà đại biểu quan tâm hoặc kiến nghị - đề xuất với Tỉnh, Huyện.

Đề nghị các đại biểu tích cực tham gia thảo luận các nội dung gợi ý nêu trên.

Trân trọng cảm ơn!

BAN TUYÊN GIÁO TỈNH UỶ